

Chào mừng quý vị đã đến với hệ thống trường học của Yokohama

## II Những thông báo từ trường học, tuyển tập dịch những từ thường dùng

ベトナム語



Tháng 4 năm 2016 Bản chỉnh sửa  
Phòng Giáo Dục Thành Phố Yokohama

# Mục Lục

## Những thông báo từ nhà trường

### [Những thông báo chung cho cả trường cấp 1 và cấp 2]

#### <<Những vật cần thiết khi chuyển vào>>

- Phiếu chỉ đạo nhi đồng-học sinh ..... 1 - Những vật mang đến trường ..... 2-(1) ~ (5)
- Các loại phí phải đóng cho trường ..... 3-(1) - Những loại phí thu đặc biệt ..... 3-(2)
- Phiếu kiểm tra sức khỏe (dùng cho cấp 1) · 4-(1) - Phiếu kiểm tra sức khỏe (dùng cho cấp 2) ..... 4-(2)

#### <<Thông báo về các sự kiện, hoạt động>>

- Những thông báo về các hoạt động mà phụ huynh phải tham gia ..... 5
- Ngày hội thể thao, Lễ hội thể thao ..... 6
- Thông báo về phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn ba bên (Dùng để sắp xếp ngày giờ hẹn / thông báo ngày giờ đã định) ..... 7
- Thông báo đến thăm gia đình (Dùng để sắp xếp ngày giờ hẹn / thông báo ngày giờ đã định) ..... 8
- Thông báo về những sự kiện / hoạt động của trường I (đi dã ngoại / đi về trong ngày) ..... 9
- Thông báo về những sự kiện / hoạt động của trường II (du lịch học tập / những chuyến đi có ở lại) ..... 10
- Đơn đăng ký tham gia và giấy ủy nhiệm (những hoạt động đi ở lại đêm của trường) ..... 11
- Thông báo về lễ tốt nghiệp ..... 12

#### <<Thông báo về chương trình hàng ngày .v.v>>

- Thông báo về những ngày đặc biệt (nghỉ lâm thời, ăn trưa, thay đổi thời khóa biểu .v.v) / Thông báo về thời kỳ có cơm trưa của trường ..... 13
- Thông báo về kỳ nghỉ dài hạn ..... 14

#### <<Những hoạt động cần có sự đồng ý của phụ huynh>>

- Giấy thông báo tham gia / vắng mặt (những hoạt động mà phụ huynh có tham gia) ..... 15
- Đơn đăng ký tham gia hoạt động ..... 16
- Giấy đồng ý cho tham gia lớp bơi lội ..... 17
- Giấy tham khảo ý kiến về việc quản lý thông tin cá nhân ..... 18

#### <<Những thông báo khi có chuyện khẩn cấp>>

- Đối phó với vấn đề khẩn cấp như báo động , tai họa xảy ra ..... 19
- Liên lạc từ nhà trường đến gia đình I (về sức khỏe, vật mang theo, cần có con dấu) ..... 20
- Liên lạc từ nhà trường đến gia đình II (khi muốn liên lạc với phụ huynh) ..... 21
- Liên lạc từ gia đình đến nhà trường ..... 22
- Khi trường không rút được tiền lệ phí phải đóng cho trường ..... 23

#### <<Bảng thành tích>>

- Ayumi (trường cấp 1) ..... 24 - Renraku-cho (trường cấp 2) ..... 25-(1) ~ (2)

## <<Những vấn đề liên quan đến sức khỏe>>

Phiếu kiểm tra sức khỏe (dùng cho cấp 1) .....	4-(1)
Phiếu kiểm tra sức khỏe (dùng cho cấp 2) .....	4-(2)
Thông báo về việc gia nhập Trung Tâm Xúc Tiến Thẻ Thao Nhật Bản Năm học .....	26
Văn bản kêu gọi chú ý bệnh cúm .....	27
Thông báo cho nghỉ học khi bị dịch cúm Influenza .....	28
Phiếu chẩn đoán kiểm tra sức khỏe về răng, cổ họng .....	29
Khuyến khích đi khám nha khoa .....	30
Khuyến khích đi khám nhãn khoa .....	31
Khuyến khích đi khám bệnh .....	32
Phiếu chữa trị .....	33
Thông báo về việc kiểm tra sán lãi .....	34
Thông báo về việc kiểm tra nước tiểu .....	35
Phiếu điều tra bệnh tim .....	36-(1) ~ (2)
Hỗ trợ tài chính mua mắt kính (Mẫu điều tra nguyện vọng lần thứ _____) .....	37
Hỗ trợ tài chính phí trị liệu .....	38
Thông báo đến phụ huynh việc kiểm tra kỹ lưỡng bệnh lao (mẫu số 9) .....	39
Liên lạc từ Trung Tâm Sức Khỏe Phúc Lợi của quận về kiểm tra bệnh lao (mẫu số 10) .....	40
Phòng vấn cá nhân về chứng dị ứng .....	41

## <<Những cái khác>>

Hướng dẫn về chế độ chấp nhận cho nhập học trường ngoài tuyển chỉ định .....	42
--	----

## [Trường cấp 2]

### <<Về buổi giải thích dành cho học sinh nhập học cấp 2 >>

Thông báo về buổi giải thích nhập học dành cho phụ huynh .....	43
Thông báo về việc bán những vật cần thiết cho học sinh nhập học cấp 2 .....	44
Thông báo về buổi lễ khai giảng .....	45

### <<Về những chứng từ>>

Về việc cấp giấy chứng đang theo học .....	46
Về việc phát hành giảm giá cho học sinh .....	47
Phiếu điều tra về việc định hướng cho tương lai .....	48-(1) ~ (4)

## Những từ thường dùng trong trường .....

49-(1) ~ (10)

[1] Các thứ trong tuần

[2] Tháng

[3] Ngày

[4] Giờ

[5] Thời khóa biểu

[6] Tên nơi chốn

[7] Tên bộ môn

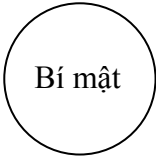
[8] Những từ dùng khi học tập

[9][10] cơ thể

## Hội thoại thường nhật .....

50-(1 ~ 14)

**Phiếu chỉ đạo  
nhi đồng-học sinh**



Dùng khi có liên lạc khẩn cấp hoặc khi chỉ đạo con em.  
Nếu có thể, xin hãy ghi bằng tiếng Nhật.  
Nếu khó khăn có thể viết bằng tiếng mẹ đẻ.

Trường

Nhi đồng-học sinh	(chữ <i>Furigana</i> ) Họ tên nhi đồng-học sinh			Nam / Nữ
	Ngày tháng năm sinh			
	Địa chỉ			
	Quốc tịch		Ngày đến Nhật (Ngày / Tháng / Năm)	/ /
Phụ huynh	(chữ <i>Furigana</i> ) Họ tên phụ huynh			
	Số điện thoại.			
Gia đình	Họ tên			
Nơi liên lạc khẩn cấp	Họ tên	Số điện thoại.		
Những điều yêu cầu hoặc nhắn gởi tới giáo viên chủ nhiệm (nếu có hãy ghi vào đây)				

**Hạn chót nộp cho giáo viên chủ nhiệm tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (\_\_\_\_\_).**

<b>Những vật dụng mang đến trường</b>
---------------------------------------

Ngày            tháng            năm

Những vật dụng có dấu  là những vật dụng cần thiết. Hãy chuẩn bị để đem đến trường.

\* Những vật có đánh số sẽ có hình ảnh ở trang tiếp theo. Hãy ghi họ tên vào tất cả các vật dụng mang đến trường.

<input type="checkbox"/> [1] Cặp	<input type="checkbox"/> [2] Cặp đi học đeo sau lưng	<input type="checkbox"/> [3] Giày mang trong lớp
<input type="checkbox"/> [4] Túi đựng giày mang trong lớp	<input type="checkbox"/> [5] Mũ đỏ trắng	<input type="checkbox"/> [6] Áo quần thể thao
<input type="checkbox"/> [7] Túi đựng áo quần thể thao	<input type="checkbox"/> [8] Gói bảo vệ đầu	<input type="checkbox"/> [9] Sổ liên lạc
<input type="checkbox"/> [10] Bao đựng sổ liên lạc	<input type="checkbox"/> [11] Tập vở	<input type="checkbox"/> [12] Hộp bút
<input type="checkbox"/> [13] Bút chì	<input type="checkbox"/> [14] Cục tẩy, gôm	<input type="checkbox"/> [15] Bút chì màu đỏ
<input type="checkbox"/> [16] Cây thước	<input type="checkbox"/> [17] Kéo	<input type="checkbox"/> [18] Hồ dán
<input type="checkbox"/> [19] Khăn lau	<input type="checkbox"/> [20] Khẩu trang	<input type="checkbox"/> [21] Kim bấm
<input type="checkbox"/> [22] Com-pa	<input type="checkbox"/> [23] Thước đo độ	<input type="checkbox"/> [24] <i>Shitajiki</i> Tấm lót để tập viết chữ
<input type="checkbox"/> [25] Hộp dụng cụ	<input type="checkbox"/> [26] Màu sáp	<input type="checkbox"/> [27] Bút màu
<input type="checkbox"/> [28] Khăn / khăn tay	<input type="checkbox"/> [29] Giấy lau (tissue)	<input type="checkbox"/> [30] Hộp com
<input type="checkbox"/> [31] Túi đựng hộp com	<input type="checkbox"/> [32] Áo quần bộ môn Nhu đạo	<input type="checkbox"/> Mũ đội khi ăn com trưa
<input type="checkbox"/> Giày mang trong phòng thể thao	<input type="checkbox"/> Túi đựng giày thể thao	<input type="checkbox"/> Mũ đội đi học

1. Những vật dụng cần ngay khi từ đầu nhập học



[1] Cặp đi học



[2] Cặp đi học đeo sau lưng



[3] Giày mang trong lớp



[4] Túi đựng giày mang trong lớp



[5] Mũ đỏ trắng



[6] Áo quần thể thao



[7] Túi đựng áo quần thể thao



[8] Gói bảo vệ đầu



[9] Sổ liên lạc



[10] Bao đựng sổ liên lạc



[11] Tập vở



[12] Hộp bút



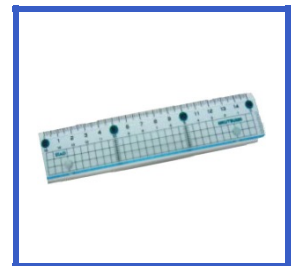
[13] Bút chì



[14] Cục tẩy, gôm



[15] Bút chì màu đỏ



[16] Cây thước



[17] Kéo



[18] Hồ dán



[19] Khăn lau



[20] Khẩu trang



## 2. Những vật dụng có thể cần đến



[21] Kim bấm



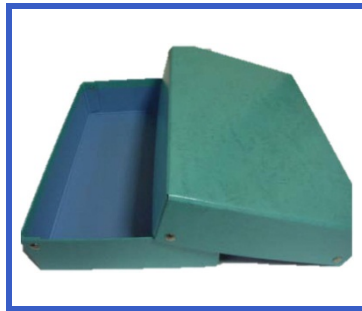
[22] Com-pa



[23] Thước đo độ



[24] *Shitajiki* Tầm lót để tập viết chữ



[25] Hộp dụng cụ



[26] Màu sáp



[27] Bút màu



[28] Khăn / khăn tay



[29] Giấy lau (tissue)



[30] Hộp cơm



[31] Túi đựng hộp cơm



[32] Áo quần bộ môn  
Nhu đạo

3. Những vật dụng cần trong các bộ môn học



Ống thổi kèn



Ống sáo



Ống sáo bè alto



Bộ màu nước



Dụng cụ viết thư pháp



Dụng cụ may vá



Áo tắm



Nón bơi



Khăn tắm



Mắt kính bơi



Tạp dề



Khăn vải hình tam giác



4. 荷物を持って行く時、夜に泊まる時



Ba lô (Backpack)



Ba lô (Knapsack)



Bình nước



Áo quần thay



Giày ba ta



Tấm trải (bằng nhựa)



Áo ấm



Áo mưa



Găng tay vải



Đồ đánh răng



Khăn tắm



Khăn

**Các loại phí phải đóng cho trường**

Năm

Tháng

Ngày

Hàng tháng nhà trường sẽ thu những phí trong mục có dấu  như sau.

<input type="checkbox"/> <u>Phí học tập hàng năm / phí tài liệu học tập</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Phí tài liệu học tập phụ</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Phí đóng dần từng lần cho các hoạt động</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Các loại hội phí (sổ tay học sinh, album v.v.)</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Phí hội học sinh</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Phí hội phụ huynh</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Tiền đóng bảo hiểm học đường (Trung tâm xúc tiến thể thao Nhật Bản)</u>	_____ yen
<input type="checkbox"/> <u>Các loại phí khác ( _____ )</u>	_____ yen
<b>Tổng cộng</b>	<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 20px; display: inline-block; text-align: center;">yen</div>

\* Giá tiền này có thể thay đổi tùy theo khối lớp, tùy theo tháng và tùy theo việc có anh chị em cùng học hay không.

**Cách đóng các loại phí này**

Hãy mở tài khoản tại ngân hàng sau đây

**Tên ngân hàng:** \_\_\_\_\_ **Tên chi nhánh:** \_\_\_\_\_

Số tiền sẽ được rút từ tài khoản hàng tháng vào ngày \_\_\_\_\_

\* Tại trường học có để phiếu đăng ký mở tài khoản.

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_



Tên trường học

Năm tài chính						
Năm học	1	2	3	4	5	6
Lớp						
Số tham dự						

## Bản điều tra sức khỏe

Tài liệu  
mật

Ủy ban giáo dục thành phố Yokohama

### ◎ Xin hãy trả lời bản điều tra về sức khỏe bên dưới

Bản điều tra này nhằm mục đích nắm bắt được tình trạng sức khỏe của các cháu nên rất quan trọng.

Thông tin cá nhân ghi trong này sẽ được quản lý dựa trên “quy định liên quan đến việc bảo hộ thông tin cá nhân của thành phố Yokohama”, với nguyên tắc chỉ được sử dụng cho các mục đích dưới đây:

- Dùng liên lạc đến gia đình trong trường hợp khẩn cấp liên quan đến sức khỏe
- Dùng tham khảo cho việc khám sức khỏe được thực hiện trôi chảy
- Dùng tham khảo cho việc quản lý sức khỏe hàng ngày
- Cung cấp thông tin cho các cơ sở y tế hoặc các trung tâm phúc lợi khu vực, liên quan đến việc chữa trị khi xảy ra tai nạn đột xuất

Ngoài ra, số người bị bệnh mà nhà trường nắm được và thông tin thống kê sau khi đã loại bỏ tên cá nhân của từng người sẽ có thể được sử dụng khi cả nước, tỉnh/thành phố thực hiện thống kê bảo hiểm y tế trong trường học.

Bản điều tra này sẽ được dùng cho đến khi tốt nghiệp. Hàng năm, ngay từ đầu năm tài chính, sau khi bổ sung, chỉnh sửa và đóng dấu hoặc kí xác nhận xong xin hãy nộp lại cho giáo viên chủ nhiệm.

Trường học sẽ quản lý cẩn thận và sẽ hoàn trả lại khi tốt nghiệp.

Họ Tên		Ngày	Tháng	Năm sinh
--------	--	------	-------	----------

児童保健調査票

1. Địa chỉ nhà và địa chỉ liên lạc khi khẩn cấp

\* Trong trường hợp thay đổi thông tin thì hãy gạch 2 đường ngang và ghi lại vào chỗ trống.

Địa chỉ nhà				Họ tên người bảo hộ
(Số điện thoại)				
Người nhận liên lạc khẩn cấp	(1)	(2)	(3)	
(Số điện thoại)				

2. Cho đến bây giờ đã có những bệnh nào

\* Hãy khoanh tròn tình trạng hiện tại và ghi những thông tin cần thiết của bệnh có liên quan.

	Tên chẩn đoán	Tuổi khi chẩn đoán	Tình trạng hiện tại	Ghi chú (ví dụ: tên cơ sở y tế, bệnh viện đang chữa trị)
Bệnh liên quan đến tim	Tên bệnh về tim [ ]	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
	Bệnh Kawasaki•Bệnh thấp khớp•Chứng loạn nhịp tim•Ngoài ra [ ]	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
Bệnh liên quan đến thận	Tên bệnh về thận [ ]	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
	Sung tủy•Nước tiểu có Protein•Tiểu ra máu•Ngoài ra [ ]	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
Bệnh và chấn thương khác	Bệnh tiểu đường	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
	Co giật, co rút (chuột rút)	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
	Lãng tai (phải • trái)	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
	Mất kém (phải • trái)	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	
	Ngoài ra [ ]	Tuổi	Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	

3. Lịch sử tiêm phòng các bệnh

\* Tham khảo sổ tay sức khỏe mẹ và bé và khoanh tròn vào những bệnh đã được tiêm phòng.

Loại bệnh	Tình trạng tiêm phòng			Chưa tiêm	Không rõ	Đã mắc
BCG (ngừa lao phổi)	Đã được tiêm phòng					
Bệnh bại liệt	Lần 1	Lần 2				
MR (Sởi + Rubella) * Nhập ngày tiêm	Lần 1 (Năm Tháng )		Lần 2 (Năm Tháng )			
Bệnh quai bị	Đã được tiêm phòng					
Bệnh thủy đậu	Đã được tiêm phòng					
Hỗn hợp 3 loại (Bạch hầu•Ho gà•Uốn ván)	Các lần của đợt 1			Tiêm thêm của đợt 1	Đợt 2	
	Lần 1	Lần 2	Lần 3			
	Các lần của đợt 1			Tiêm thêm của đợt 1	Đợt 2	
Lần 1	Lần 2					
Bệnh viêm não Nhật Bản	Đã được tiêm phòng					
Bệnh nhiễm khuẩn Hib	Đã được tiêm phòng					
Bệnh truyền nhiễm phế cầu khuẩn	Đã được tiêm phòng					

4. Về bệnh lao

Danh mục	Năm học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
(1) Cho đến bây giờ đã từng mắc các bệnh về lao bao giờ chưa? (Nếu có, hãy khoanh tròn vào các tên bệnh ở bên) (Lao phổi•Thâm nhiễm phổi•Viêm màng phổi)		Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng
(2) Cho đến bây giờ đã từng uống thuốc phòng ngừa bệnh lao chưa?		Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng
(3) Có người trong gia đình hoặc người ở cùng đã từng mắc bệnh lao không?		Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng
(4) Trong vòng 3 năm trở lại đây, đã từng sinh sống ở nước nào ngoài Nhật mà tổng thời gian trên 6 tháng không? (Nếu có, hãy ghi tên quốc gia đó)		Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:
(5) Có ho hoặc có đờm trên 2 tuần liên tục không?		Không Có	Không Có	Không Có	Không Có	Không Có	Không Có

5. Nhiệt độ cơ thể lúc bình thường

Nhiệt độ cơ thể lúc bình thường  °C

兒童保健調查票

Tên trẻ em		Giới tính	
------------	--	-----------	--

6. Dị ứng

\* Hãy khoanh dấu tròn tình trạng hiện tại và ghi những thông tin cần thiết của bệnh dị ứng có liên quan.

Tên chẩn đoán	Tuổi khi chẩn đoán	Tình trạng hiện tại	Tên chẩn đoán	Tuổi khi chẩn đoán	Tình trạng hiện tại				
Hen suyễn		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Dị ứng đồ ăn		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử				
Viêm da dị ứng		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Dị ứng thuốc		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử				
Viêm mũi dị ứng		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Dị ứng gây ra do vận động		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử				
Viêm kết mạc (mắt) dị ứng		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Ngoài ra [ ]		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử				
* Chỉ ra những đồ là nguyên nhân gây dị ứng		Sữa	Trứng	Bột mỳ	Tôm	Cua	Mì kiều mạch	Lạc	Các đồ ăn khác [ ]
		Thuốc, dược phẩm [ ]					Các loại khác [ ]		

7. Tình trạng sức khỏe hiện tại

\* Hãy khoanh tròn vào những mục mà có những tình trạng xảy ra trong 1 năm.

Xin hãy nhập hàng năm và có đóng dấu hoặc kí xác nhận.

Danh mục		Năm học	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
Khoa nội	(1) Có bị chóng mặt hoặc thiếu máu							
	(2) Dễ bị đau đầu							
	(3) Dễ bị đau bụng							
	(4) Dễ bị tiêu chảy hay táo bón							
	(5) Từng bị co giật, co rút							
	(6) Đang uống thuốc chống co giật, co rút							
	(7) Có bị hen suyễn							
	(8) Đang uống thuốc hen suyễn							
Khoa tai mũi họng	(1) Tai nghe kém							
	(2) Có điều lo lắng khi phát âm, giọng khan							
	(3) Hay bị chảy nước mũi							
	(4) Hay bị nghẹt mũi							
	(5) Mũi dễ bị chảy máu							
	(6) Hay bị sốt có kèm theo sưng và đau họng							
	(7) Miệng thường xuyên mở (hở) ra							
	(8) Có ngáy khi ngủ							
	(9) Có nguyện vọng khám tai mũi họng (Chỉ dành cho người chưa khám các mục từ 1 đến 8 ở trên)		Kiểm tra toàn bộ			Kiểm tra toàn bộ		
Khoa phẫu thuật chỉnh hình (Xem tranh ở mặt sau)	(1) Ở tư thế nhìn từ phía sau thì chiều cao của vai hoặc chiều cao sống vai không đối xứng							
	(2) Ở tư thế cúi người (khum người) thì chiều cao phía bên trái và phải của lưng khác nhau							
	(3) Ở tư thế cúi sâu (cúi thấp người) thì chiều cao phía bên trái và phải của hông khác nhau							
	(4) Khi cơ thể ngửa mặt lên trời thì lưng (eo) bị đau							
	(5) Khi đứng bằng một chân thì cơ thể bị nghiêng hoặc không đứng vững							
	(6) Khi ngồi xôm trên sàn thì toàn bộ lòng bàn chân không chạm được sàn							
	(7) Lòng bàn tay hướng lên trên và khi đưa thẳng ra phía trước thì không đưa thẳng ra được. Khi co tay lại để cho ngón tay chạm mắt thì không co được							
	(8) Khi đưa 2 tay lên cao thì 2 bên cánh tay không chạm vào tai							
Có bệnh đang khám định kỳ 1 năm 1 lần trở lên								
Tên bệnh [ ], khám, chữa [năm/tháng ____ lần]								
Cơ sở y tế đang khám [ ]								

8. Điều từ gia đình muốn thông báo đến nhà trường

(Ví dụ: điều muốn nhà trường quan tâm, chăm sóc về sức khỏe)

Năm 1
Năm 2
Năm 3
Năm 4
Năm 5
Năm 6

Dấu hoặc chữ kí xác nhận của người bảo hộ					
---	--	--	--	--	--

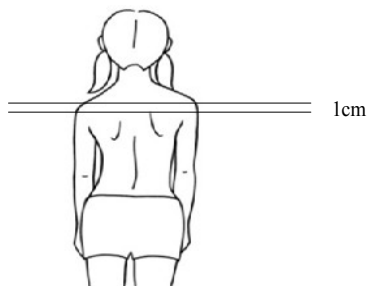


## Phương pháp kiểm tra trạng thái cột sống lưng và chân tay

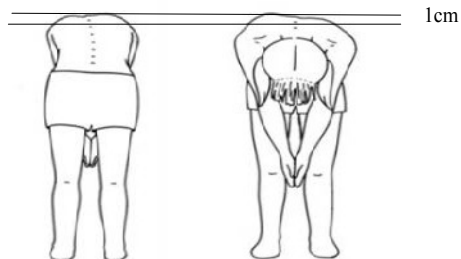
Kiểm tra chuyển động của cơ thể giống như hình minh họa bên dưới.

Xin gia đình hãy xác nhận, nếu có biểu hiện nào thì hãy khoanh tròn vào số trong mục 7 (Tình trạng sức khỏe hiện tại/Khoa phẫu thuật chỉnh hình) ở trang phía trên.

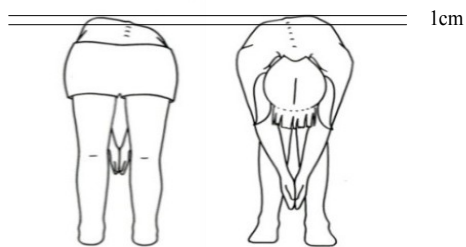
- (1) Ở tư thế nhìn từ phía sau thì chiều cao của vai hoặc chiều cao sống vai bị lệch (trên 1cm)



- (2) Ở tư thế cúi người (khom người) thì chiều cao phía bên trái và phải của lưng khác nhau (trên 1cm)



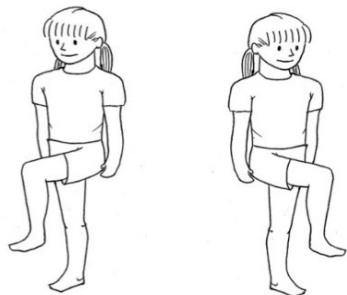
- (3) Ở tư thế cúi sâu (cúi thấp người) thì chiều cao phía bên trái và phải của hông khác nhau (trên 1cm)



- (4) Khi cơ thể ngửa mặt lên trời thì lưng (eo) bị đau



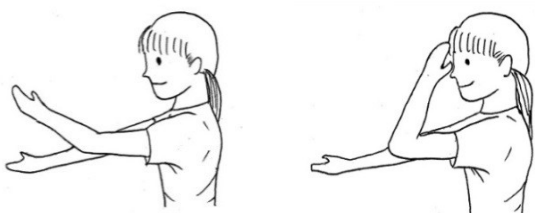
- (5) Khi đứng bằng một chân thì cơ thể bị nghiêng hoặc không đứng vững



- (6) Khi ngồi xổm trên sàn thì toàn bộ lòng bàn chân không chạm được sàn



- (7) Lòng bàn tay hướng lên trên và khi đưa thẳng ra phía trước thì không đưa thẳng ra được. Khi co tay lại để cho ngón tay chạm mắt thì không co được



- (8) Khi đưa 2 tay lên thì 2 bên cánh tay không chạm vào tai



Tên trường học

Năm tài chính			
Năm học	1	2	3
Lớp			
Số tham dự			

## Bản điều tra sức khỏe

Tài liệu  
mật

Ủy ban giáo dục thành phố Yokohama

### ◎ Xin hãy trả lời bản điều tra về sức khỏe bên dưới

Bản điều tra này nhằm mục đích nắm bắt được tình trạng sức khỏe của các cháu nên rất quan trọng.

Thông tin cá nhân ghi trong này sẽ được quản lý dựa trên “quy định liên quan đến việc bảo hộ thông tin cá nhân của thành phố Yokohama”, với nguyên tắc chỉ được sử dụng cho các mục đích dưới đây:

- Dùng liên lạc đến gia đình trong trường hợp khẩn cấp liên quan đến sức khỏe
- Dùng tham khảo cho việc khám sức khỏe được thực hiện trôi chảy
- Dùng tham khảo cho việc quản lý sức khỏe hàng ngày
- Cung cấp thông tin cho các cơ sở y tế hoặc các trung tâm phúc lợi khu vực, liên quan đến việc chữa trị khi xảy ra tai nạn đột xuất

Ngoài ra, số người bị bệnh mà nhà trường nắm được và thông tin thống kê sau khi đã loại bỏ tên cá nhân của từng người sẽ có thể được sử dụng khi cả nước, tỉnh/thành phố thực hiện thống kê bảo hiểm y tế trong trường học.

Bản điều tra này sẽ được dùng cho đến khi tốt nghiệp. Hàng năm, ngay từ đầu năm tài chính, sau khi bổ sung, chỉnh sửa và đóng dấu hoặc kí xác nhận xong xin hãy nộp lại cho giáo viên chủ nhiệm.

Trường học sẽ quản lý cẩn thận và sẽ hoàn trả lại khi tốt nghiệp.

Họ Tên		Ngày	Tháng	Năm sinh

生徒保健調査票

1. Địa chỉ nhà và địa chỉ liên lạc khi khẩn cấp

\* Trong trường hợp thay đổi thông tin thì hãy gạch 2 đường ngang và ghi lại vào chỗ trống.

Địa chỉ nhà				Họ tên người bảo hộ
(Số điện thoại)				
Người nhận liên lạc khẩn cấp	(1)	(2)	(3)	
(Số điện thoại)				

2. Cho đến bây giờ đã có những bệnh nào

\* Hãy khoanh tròn tình trạng hiện tại và ghi những thông tin cần thiết của bệnh có liên quan.

	Tên chẩn đoán	Tuổi khi chẩn đoán	Tình trạng hiện tại	Ghi chú (ví dụ: tên cơ sở y tế, bệnh viện đang chữa trị)
Bệnh liên quan đến tim	Tên bệnh về tim [ ]	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Bệnh Kawasaki·Bệnh thấp khớp·Chứng loạn nhịp tim·Ngoài ra [ ]	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
Bệnh liên quan đến thận	Tên bệnh về thận [ ]	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Sung tủy·Nước tiểu có Protein·Tiểu ra máu·Ngoài ra [ ]	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
Bệnh và chấn thương khác	Bệnh tiểu đường	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Co giật, co rút (chuột rút)	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Mất ý thức, rối loạn thần kinh thực vật·Chứng mất điều hòa trong cơ thể·Trở ngại khi điều khiển sự di chuyển	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Lãng tai ( phải · trái )	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Mất kém ( phải · trái )	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	
	Ngoài ra [ ]	Tuổi	Đang điều trị · Kiểm tra định kỳ · Có tiền sử	

3. Lịch sử tiêm phòng các bệnh

\* Tham khảo sổ tay sức khỏe mẹ và bé và khoanh tròn vào những bệnh đã được tiêm phòng.

Loại bệnh	Tình trạng tiêm phòng		Chưa tiêm	Không rõ	Đã mắc
BCG (ngừa lao phổi)	Đã được tiêm phòng				
MR (Sởi + Rubella) * Nhập ngày tiêm	Lần 1 (Năm Tháng )	Lần 2 (Năm Tháng )			
Sởi * Nhập ngày tiêm	Lần 1 (Năm Tháng )	Lần 2 (Năm Tháng )			
Rubella * Nhập ngày tiêm	Lần 1 (Năm Tháng )	Lần 2 (Năm Tháng )			
Bệnh quai bị	Đã được tiêm phòng				
Bệnh thủy đậu	Đã được tiêm phòng				
Hỗn hợp 3 loại (Bạch hầu·Ho gà·Uốn ván)	Các lần của đợt 1		Tiêm thêm của đợt 1	Đợt 2	
	Lần 1	Lần 2			
Bệnh viêm não Nhật Bản	Các lần của đợt 1		Tiêm thêm của đợt 1	Đợt 2	
	Lần 1	Lần 2			
Bệnh bại liệt	Lần 1	Lần 2			

4. Về bệnh lao

Danh mục	Năm học	Năm 1	Năm 2	Năm 3
(1) Cho đến bây giờ đã từng mắc các bệnh về lao bao giờ chưa? (Nếu có, hãy khoanh tròn vào các tên bệnh ở bên) (Lao phổi·Thâm nhiễm phổi·Viêm màng phổi)		Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng
(2) Cho đến bây giờ đã từng uống thuốc phòng ngừa bệnh lao chưa?		Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng
(3) Có người trong gia đình hoặc người ở cùng đã từng mắc bệnh lao không?		Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng	Không Có Thời gian có Năm Tháng
(4) Trong vòng 3 năm trở lại đây, đã từng sinh sống ở nước nào ngoài Nhật mà tổng thời gian trên 6 tháng không? (Nếu có, hãy ghi tên quốc gia đó)		Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:	Không Có Tên nước:
(5) Có ho hoặc có đờm trên 2 tuần liên tục không?		Không Có	Không Có	Không Có

5. Nhiệt độ cơ thể lúc bình thường

Nhiệt độ cơ thể lúc bình thường  °C

生徒保健調査票

Tên trẻ em		Giới tính	
------------	--	-----------	--

6. Dị ứng

\* Hãy khoanh dấu tròn tình trạng hiện tại và ghi những thông tin cần thiết của bệnh dị ứng có liên quan.

Tên chẩn đoán	Tuổi khi chẩn đoán	Tình trạng hiện tại	Tên chẩn đoán	Tuổi khi chẩn đoán	Tình trạng hiện tại			
Hen suyễn		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Dị ứng đồ ăn		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử			
Viêm da dị ứng		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Dị ứng thuốc		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử			
Viêm mũi dị ứng		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Dị ứng gây ra do vận động		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử			
Viêm kết mạc (mắt) dị ứng		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử	Ngoài ra [ ]		Đang điều trị • Kiểm tra định kỳ • Có tiền sử			
* Chỉ ra những đồ là nguyên nhân gây dị ứng	Sữa	Trứng	Bột mì	Tôm	Cua	Mì kiều mạch	Lạc	Các đồ ăn khác [ ]
	Thuốc, dược phẩm [ ]							Các loại khác [ ]

7. Tình trạng sức khỏe hiện tại

\* Hãy khoanh tròn vào những mục mà có những tình trạng xảy ra trong 1 năm.

Xin hãy nhập hàng năm và có đóng dấu hoặc kí xác nhận.

Danh mục	Năm học	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Khoa nội	(1) Có bị chóng mặt hoặc thiếu máu			
	(2) Dễ bị đau đầu			
	(3) Dễ bị đau bụng			
	(4) Dễ bị tiêu chảy hay táo bón			
	(5) Từng bị co giật, co rút			
	(6) Đang uống thuốc chống co giật, co rút			
	(7) Có bị hen suyễn			
	(8) Đang uống thuốc hen suyễn			
Khoa tai mũi họng	(1) Tai nghe kém			
	(2) Có điều lo lắng khi phát âm, giọng khan			
	(3) Hay bị chảy nước mũi			
	(4) Hay bị nghẹt mũi			
	(5) Mũi dễ bị chảy máu			
	(6) Hay bị sốt có kèm theo sưng và đau họng			
	(7) Miệng thường xuyên mở (hở) ra			
	(8) Có ngáy khi ngủ			
	(9) Có nguyện vọng khám tai mũi họng (Chỉ dành cho người chưa khám các mục từ 1 đến 8 ở trên)	Kiểm tra toàn bộ		
Khoa phẫu thuật chỉnh hình (Xem tranh ở mặt sau)	(1) Ở tư thế nhìn từ phía sau thì chiều cao của vai hoặc chiều cao sống vai không đối xứng			
	(2) Ở tư thế cúi người (khom người) thì chiều cao phía bên trái và phải của lưng khác nhau			
	(3) Ở tư thế cúi sâu (cúi thấp người) thì chiều cao phía bên trái và phải của hông khác nhau			
	(4) Khi cơ thể ngửa mặt lên trời thì lưng (eo) bị đau			
	(5) Khi đứng bằng một chân thì cơ thể bị nghiêng hoặc không đứng vững			
	(6) Khi ngồi xôm trên sàn thì toàn bộ lòng bàn chân không chạm được sàn			
	(7) Lòng bàn tay hướng lên trên và khi đưa thẳng ra phía trước thì không đưa thẳng ra được. Khi co tay lại để cho ngón tay chạm mắt thì không co được			
	(8) Khi đưa 2 tay lên cao thì 2 bên cánh tay không chạm vào tai			
Có bệnh đang khám định kỳ 1 năm 1 lần trở lên				
Tên bệnh [ ], khám, chữa [năm/tháng ____ lần]				
Cơ sở y tế đang khám [ ]				

8. Điều từ gia đình muốn thông báo đến nhà trường (Ví dụ: điều muốn nhà trường quan tâm, chăm sóc về sức khỏe)

Năm 1
Năm 2
Năm 3

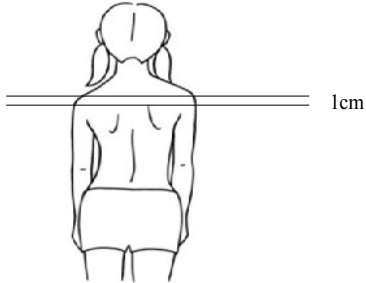
Dấu hoặc chữ kí xác nhận của người bảo hộ		
---	--	--

## Phương pháp kiểm tra trạng thái cột sống lưng và chân tay

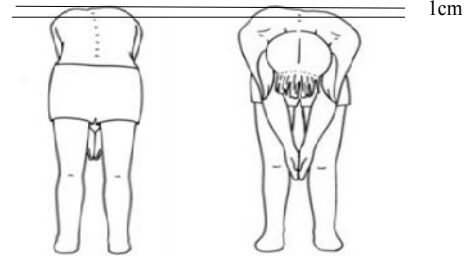
Kiểm tra chuyển động của cơ thể giống như hình minh họa bên dưới.

Xin gia đình hãy xác nhận, nếu có biểu hiện nào thì hãy khoanh tròn vào số trong mục 7 (Tình trạng sức khỏe hiện tại/Khoa phẫu thuật chỉnh hình) ở trang phía trên.

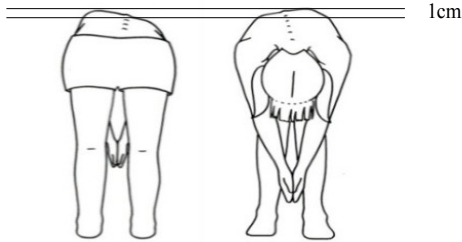
- (1) Ở tư thế nhìn từ phía sau thì chiều cao của vai hoặc chiều cao sống vai bị lệch (trên 1cm)



- (2) Ở tư thế cúi người (khom người) thì chiều cao phía bên trái và phải của lưng khác nhau (trên 1cm)



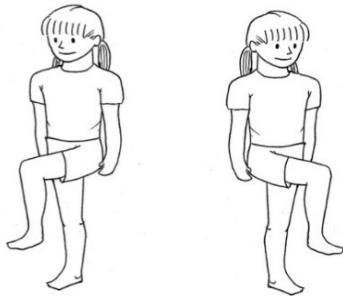
- (3) Ở tư thế cúi sâu (cúi thấp người) thì chiều cao phía bên trái và phải của hông khác nhau (trên 1cm)



- (4) Khi cơ thể ngửa mặt lên trời thì lưng (eo) bị đau



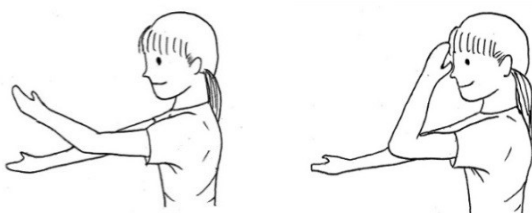
- (5) Khi đứng bằng một chân thì cơ thể bị nghiêng hoặc không đứng vững



- (6) Khi ngồi xổm trên sàn thì toàn bộ lòng bàn chân không chạm được sàn



- (7) Lòng bàn tay hướng lên trên và khi đưa thẳng ra phía trước thì không đưa thẳng ra được. Khi co tay lại để cho ngón tay chạm mắt thì không co được



- (8) Khi đưa 2 tay lên thì 2 bên cánh tay không chạm vào tai









**Thông báo về phỏng vấn cá nhân / phỏng vấn ba bên (dùng để sắp xếp ngày giờ phỏng vấn)**

Năm Tháng Ngày

Phỏng vấn cá nhân: Nhờ phụ huynh đến trường để phỏng vấn. Giáo viên chủ nhiệm sẽ nói chuyện với từng phụ huynh về tình hình sinh hoạt học tập của con em tại trường.

Phỏng vấn ba bên: Nội dung cũng giống như phỏng vấn cá nhân, nhưng ngoài giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh còn có thêm sự tham gia của học sinh.

▪ Hãy đánh dấu  vào ngày giờ thuận tiện nhất cho quý vị.

tháng / ngày (thứ ), \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_

tháng / ngày (thứ ), \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_

tháng / ngày (thứ ), \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_

**Thông báo về phỏng vấn cá nhân / phỏng vấn ba bên (thông báo ngày giờ đã định)**

Ngày phỏng vấn cá nhân / phỏng vấn ba bên của bạn ( ) Sẽ được thực hiện vào

**tháng / ngày (thứ ) Khoảng từ giờ \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_.**

Thông dịch viên: có / không

Ngày này thuận tiện.

Tôi không thể đến vào ngày này. Xin hãy đổi sang ngày sau đây giùm.

**Tháng / ngày (thứ ), giờ \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_**

Họ tên phụ huynh \_\_\_\_\_ (chữ ký)

**Hạn chót nộp cho giáo viên chủ nhiệm tháng / ngày (thứ ).**

Khối lớp: Lớp: Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Thông báo đến thăm gia đình  
(dùng để sắp xếp ngày giờ hẹn)**

Năm      Tháng      Ngày

Giáo viên chủ nhiệm sẽ đi đến nhà của nhi đồng-học sinh.

Hãy cho giáo viên biết về tình trạng của con em khi ở nhà hoặc những điều muốn yêu cầu giáo viên.

Mặc dù thời gian eo hẹp, xin làm phiền gia đình.

Hãy đánh dấu  vào ngày thuận tiện nhất.

Tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_), giờ \_\_\_\_\_ :

Tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_), giờ \_\_\_\_\_ :

Tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_), giờ \_\_\_\_\_ :

**Thông báo đến thăm gia đình  
(thông báo ngày giờ đã định)**

Dự định sẽ đến thăm gia đình vào

**Tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) khoảng từ \_\_\_\_\_ :**

Sẽ đi cùng thông dịch:      cùng đi / không cùng đi

Ngày này là tiện nhất.

Ngày này không tiện cho tôi. Xin đổi sang ngày sau đây:

**Tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_), giờ \_\_\_\_\_:**

Họ tên phụ huynh \_\_\_\_\_ (chữ ký)

**Hạn chót nộp cho giáo viên chủ nhiệm tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).**

Khối lớp:      Lớp:      Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Thông báo về các sự kiện,  
hoạt động của nhà trường**

(Đi về trong ngày) Năm Tháng Ngày

Thông báo về việc nhà trường đưa con em của quý vị đi đến địa điểm bên ngoài trường học.

- Tên sự kiện/hoạt động Trường sẽ tổ chức sự kiện/hoạt động trong phần đánh dấu   
 Dã ngoại     Tham quan xã hội     Đại hội thể thao     Chạy Marathon  
 Xem đại nhạc hội     Hội thi vẽ     Khác ( )
- Ngày giờ tháng / ngày (thứ ), từ : đến :
- Giờ tập trung \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_ (Hãy liên lạc nếu vắng mặt)  
Địa điểm tập trung ( Tại trường     \_\_\_\_\_)
- Nơi đi đến \_\_\_\_\_
- Trang phục  
 Ăn mặc bình thường     Đồng phục (đồng phục tiêu chuẩn)     Jersey, áo quần thể thao
- Những vật cần mang theo  
 Tờ chương trình     Giấy bút     Cơm hộp     Bình nước  
 Áo mưa, dù (ô)     Tiền xài vặt (nhiều nhất là yên)  
 Ba lô (Knapsack)     Túi ni lông     Tấm trải ni lông để ngồi  
 Khăn tay, giấy lau     Theo như trong giấy hướng dẫn kèm theo
- Giải tán  
Vào khoảng \_\_\_\_\_:\_\_\_\_\_ (Tại  trường     \_\_\_\_\_)

Khối lớp:    Lớp:    Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Thông báo về các sự kiện,  
hoạt động của nhà trường**

(Ở lại qua đêm)

Năm Tháng Ngày

Thông báo về việc nhà trường đưa con em của quý vị đi đến địa điểm ngoài trường học.

Học sinh sẽ ở lại \_\_\_\_\_ đêm, sau đó sẽ quay về trường.

1. Tên sự kiện / hoạt động ( \_\_\_\_\_ )

2. Ngày giờ tháng / ngày ( \_\_\_\_\_ ) ~ tháng / ngày ( \_\_\_\_\_ )

3. Giờ tập trung : \_\_\_\_\_ (Hãy liên lạc nếu vắng mặt)

Địa điểm tập trung ( tại trường  \_\_\_\_\_)

4. Nơi đi đến: \_\_\_\_\_

Nơi ở trọ: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_ ( \_\_\_\_\_ )

Nơi ở trọ: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_ ( \_\_\_\_\_ )

5. Trang phục

Ăn mặc bình thường  Đồng phục (đồng phục tiêu chuẩn)  Jersey, quần áo thể thao

6. Những vật cần mang theo

Tờ chương trình  Giấy bút  Com hộp  Bình nước

Áo mưa, dù (ô)  Đồ vệ sinh cá nhân  Tiền xài vặt (nhiều nhất là \_\_\_\_\_ yên)

Jersey, đồ thể thao (áo, quần)  Đồ ngủ / Pajama

Đồ lót, tất vớ ( \_\_\_\_\_ đôi)  Áo ấm (áo khoác, áo len)

Ba lô  Túi ni lông  Tấm trải ni lông để ngồi

Giày mang trong phòng thể thao  Găng tay vải  Khăn

Khăn tay, giấy lau  Theo như trong giấy thông báo kèm theo

7. Giải tán Vào khoảng \_\_\_\_\_ : \_\_\_\_\_ (Tại  trường  \_\_\_\_\_)

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Đơn đăng ký tham gia  
và giấy ủy nhiệm**

(Những hoạt động đi ở lại đêm : \_\_\_\_\_)

Năm Tháng Ngày

Chúng tôi hiểu được mục đích của hoạt động này, đồng ý và xin hứa cho con em mình tham gia với tư cách là một thành viên của tập thể, chấp hành theo kỷ luật tập thể.

Ngoài ra, trong trường hợp con em chúng tôi có hành vi vi phạm kỷ luật tập thể, hoặc khi bị đau ốm đột xuất, tai nạn, thương tích v.v. chúng tôi ủy nhiệm quyền quyết định xử lý cấp thời, phương pháp cứu tế cho hiệu trưởng, hợp tác trong việc liên lạc hoặc nghe theo chỉ thị.

Khối lớp: Lớp: Số thứ tự:	Tên nhi đồng-học sinh:	Ngày sinh: Năm tháng ngày
Địa chỉ (bắt đầu viết từ quận)		
Số điện thoại nhà riêng.		
Nơi liên lạc khẩn cấp	Tên: _____	TEL: ( ) —

Hỏi về tình trạng sức khỏe, bệnh mãn tính hoặc những điều cần chú ý đặc biệt.

- Bệnh mãn tính (tên bệnh: \_\_\_\_\_)     Chứng đái dầm ban đêm     Bị say xe  
 Dị ứng (Hãy đánh dấu  vào những thứ mà hiện nay vẫn còn triệu chứng, vẫn đang đi khám hoặc đang uống thuốc, cần phải có theo dõi)

- |  |   |                                       |
|--|---|---------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Suyễn                   | <input type="checkbox"/> Viêm ngoài da              | <input type="checkbox"/> Viêm mũi     |
| <input type="checkbox"/> Viêm kết mạc (viêm mắt) | <input type="checkbox"/> Dị ứng thức ăn             | <input type="checkbox"/> Dị ứng thuốc |
| <input type="checkbox"/> Dị ứng vì vận động      | <input type="checkbox"/> Triệu chứng khác ( _____ ) |                                       |

Dị ứng vì những nguyên liệu như sau:

- |  |  |  |  |                                |
|--|--|--|--|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Lúa mạch                  | <input type="checkbox"/> Sô ba (bột kiều mạch) | <input type="checkbox"/> Đậu phộng (lạc) | <input type="checkbox"/> Sữa             | <input type="checkbox"/> Trứng |
| <input type="checkbox"/> Đậu nành                  | <input type="checkbox"/> Tôm                   | <input type="checkbox"/> Cua             | <input type="checkbox"/> Thuốc ( _____ ) |                                |
| <input type="checkbox"/> Những loại khác ( _____ ) |  |  |  |                                |

Tên phụ huynh \_\_\_\_\_ (chữ ký)

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_





**Thông báo về những ngày đặc biệt (nghỉ lâm thời, không có ăn trưa của trường, thay đổi thời khóa biểu .v.v.)**

Năm Tháng Ngày

Năm tháng ngày  Từ / đến /

Trường nghỉ  Khối lớp của con em sẽ nghỉ  Lớp của con em sẽ nghỉ

Không có cơm trưa  Sẽ ra về vào lúc \_\_\_\_ : \_\_\_\_

Mặc dù là ngày nghỉ nhưng trường vẫn tổ chức học  Giờ học bắt đầu từ \_\_\_\_ : \_\_\_\_

Sẽ ra về vào lúc \_\_\_\_ : \_\_\_\_

<<Lý do>>

Ngày lễ  Tham quan lớp học vào thứ bảy/chủ nhật  Nghi bù cho ngày lễ \_\_\_\_

Ngày kỷ niệm khai cảng  Kỷ niệm ngày thành lập trường  Vi dịch cúm Influenza

Thay đổi thời khóa biểu  Lý do khác ( )

**Thông báo về ăn trưa**

Từ / (thứ ) đến / (thứ )

Sẽ có cơm trưa của trường.

Mang theo cơm hộp

Khối lớp: Lớp: Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Thông báo về kỳ nghỉ dài hạn**

Năm

Tháng

Ngày

**[Nghỉ Hè]**

☆ Trường sẽ nghỉ Hè vào trong khoảng thời gian như sau:

Từ tháng 7 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) đến tháng 8 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)

★ Ngày đến trường tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

Hãy đến trường lúc \_\_\_\_\_ giờ: \_\_\_\_\_ giờ.

☆ Trường sẽ bắt đầu học lại từ tháng 8 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

**[Nghỉ Đông]**

☆ Trường sẽ nghỉ Đông vào trong khoảng thời gian như sau:

Từ tháng 12 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) đến tháng 1 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)

★ Ngày đến trường tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

Hãy đến trường lúc \_\_\_\_\_ giờ: \_\_\_\_\_ giờ.

☆ Trường sẽ bắt đầu học lại từ tháng 1 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

**[Nghỉ Xuân]**

☆ Trường sẽ nghỉ Xuân vào trong khoảng thời gian như sau:

Từ tháng 3 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) đến tháng 4 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)

★ Ngày đến trường tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

Hãy đến trường lúc \_\_\_\_\_ giờ: \_\_\_\_\_ giờ.

Năm học mới bắt đầu từ tháng 4

Tháng 4 ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) là lễ khai giảng. Học sinh bắt đầu học theo khối lớp mới.

Học sinh sẽ được thông báo về lớp mới và giáo viên chủ nhiệm mới vào buổi lễ khai giảng.

\* Nếu trong thời gian nghỉ mà gặp phải tai nạn v.v.hãy thông báo cho nhà trường.

Trường \_\_\_\_\_

TEL: 045 ( \_\_\_\_\_ ) \_\_\_\_\_

**Giấy thông báo có mặt / vắng mặt**

Năm

Tháng

Ngày

Tôi sẽ (có mặt / vắng mặt) buổi tham quan lớp

Tôi sẽ (có mặt / vắng mặt) buổi họp phụ huynh.

Tôi sẽ (có mặt / vắng mặt) buổi \_\_\_\_\_.

Khối lớp: \_\_\_\_\_ lớp: \_\_\_\_\_ số thứ tự: \_\_\_\_\_

Họ tên nhi đồng-học sinh ( \_\_\_\_\_ )

Họ tên phụ huynh ( \_\_\_\_\_ ) (chữ ký)

Hãy nộp giấy thông báo có mặt/vắng mặt này cho giáo viên chủ nhiệm hạn chót là tháng \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Đơn đăng ký tham gia hoạt động**

Năm

Tháng

Ngày

**Xác nhận xem con em có tham gia hay không hoạt động trong phần đánh dấu  sau đây.**

<input type="checkbox"/> Học bơi	<input type="checkbox"/> Đi dã ngoại / đi tham quan
<input type="checkbox"/> Câu lạc bộ đặc biệt (Câu lạc bộ _____)	
<input type="checkbox"/> Thi đấu bên ngoài / tham dự đại hội	<input type="checkbox"/> Chạy đường dài / Marathon
<input type="checkbox"/> Những hoạt động phải ở lại ban đêm (du lịch học tập / học tập trải nghiệm / cắm trại trên núi / bãi biển, lớp học tự nhiên)	
<input type="checkbox"/> Những hoạt động khác [ _____ ]	

**Hãy đánh dấu  vào một trong những ô sau đây.**

<input type="checkbox"/> Con em chúng tôi không có vấn đề gì về sức khỏe cũng như những vấn đề khác, vì thế chúng tôi đồng ý cho con em tham gia hoạt động này.
<input type="checkbox"/> Vì có việc, con em chúng tôi không thể tham gia hoạt động này.

Năm \_\_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_\_ Ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Số thứ tự: \_\_\_\_\_

Họ tên học sinh ( \_\_\_\_\_ )

Họ tên phụ huynh ( \_\_\_\_\_ ) (chữ ký)

**Hạn chót nộp cho giáo viên chủ nhiệm tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).**

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_





Tham khảo ý kiến về việc xử lý thông tin cá nhân

Năm (Heisei) Tháng Ngày

Kính gửi quý vị phụ huynh

Trường công lập

thành phố Yokohama

Hiệu trưởng

## Tham khảo ý kiến về việc xử lý thông tin cá nhân

Trường chúng tôi cũng như Hội phụ huynh PTA sẽ xử lý thông tin cá nhân của quý vị dựa theo “Điều lệ về bảo hộ thông tin cá nhân thành phố Yokohama”.

Tại trang web của trường, chúng tôi sẽ chú ý tránh để tên và hình ảnh cá nhân bị lộ. Tuy nhiên, vì lý do hoạt động của nhà trường, có thể chúng tôi sẽ phải đăng hình ảnh, tên cá nhân những em nhận được bằng khen v.v. lên bản tin của trường, bản tin của hội phụ huynh PTA, hoặc thông báo của lớp, album tốt nghiệp v.v. phân phát hạn chế cho những người có liên quan.

Do đó, yêu cầu phụ huynh và học sinh hãy trả lời cho biết ý kiến vào phần phiếu tham khảo kèm theo đây, và hãy nộp lại cho giáo viên chủ nhiệm.

Trong trường hợp không nộp phiếu tham khảo này, nhà trường sẽ xem như quý vị đã đồng ý với việc đăng tải, mong quý vị thông cảm.

**Hạn chót nộp: tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)** (Nơi nộp: giáo viên chủ nhiệm lớp)

Vạch cắt

## Phiếu tham khảo ý kiến về việc đăng tải họ tên và hình ảnh

(1) Tôi đồng ý về việc đăng tải hình ảnh, tác phẩm cũng như họ tên.

(2) Tôi có những yêu cầu về việc đăng tải như sau:

Yêu cầu:

(3) Tôi không đồng ý việc đăng tải.

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Tên học sinh: \_\_\_\_\_

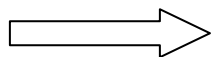
Tên phụ huynh: \_\_\_\_\_ (chữ ký)

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Về việc ứng phó khẩn cấp khi có báo động, thiên tai xảy ra**

Năm            Tháng            Ngày

**Vào lúc 7 giờ sáng**, nếu có thông báo về **“báo động gió lớn”, “báo động tuyết lớn”** được phát ra trên toàn tỉnh Kanagawa hoặc khu vực phía Đông.

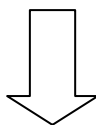


**Nghỉ học tạm thời (trường cho nghỉ) vào ngày hôm đó.**

Về trường hợp “báo động lụt”, “báo động mưa lớn” nhưng không có thông báo về gió lớn hoặc tuyết lớn, gia đình tự phán đoán để cho con em đi học hay không.

\* Hãy liên lạc thông báo cho nhà trường trong trường hợp đi trễ hoặc nghỉ học.

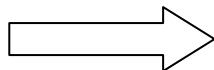
**Trong trường hợp học sinh đang ở trường** mà có thông báo **“báo động gió lớn”, “báo động tuyết lớn”**



Hiệu trưởng sẽ phán đoán và xử lý theo những điều sau đây, và thông báo về từng gia đình.

1. Ra về theo tập thể:            học sinh sẽ được chia làm nhiều nhóm theo từng hướng khác nhau, có giáo viên đi theo.
2. Ra về sớm hơn:            sẽ cho học sinh về sớm hơn thường lệ.
3. Giao cho phụ huynh:            phụ huynh sẽ đến trường đón con em mình.

**Khi có động đất với qui mô lớn (từ độ 5 “cường” trở lên)**



**Phụ huynh đến đón con em:** chương trình học sẽ ngừng lại. Phụ huynh đến trường đón con em. (cũng có trường hợp do ảnh hưởng của động đất mà nhà trường không thể liên lạc được với phụ huynh)

Khối lớp:            Lớp:            Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Liên lạc từ trường đến gia đình I**

(về sức khỏe / đồ vật mang theo /  
cần con dấu)

**Về sức khỏe**

Năm                      Tháng                      Ngày

Xin thông báo về tình trạng sức khỏe của con em tại trường mà chúng tôi nhận thấy như sau đây (theo nội dung được đánh dấu )

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Không được khỏe                          | <input type="checkbox"/> Có vẻ mệt mỏi |
| <input type="checkbox"/> Bị sốt                                   | <input type="checkbox"/> Lên suyễn     |
| <input type="checkbox"/> Có vẻ như bị ốm, bệnh                    |  |
| <input type="checkbox"/> Có vẻ như đang lo lắng về điều gì đó     |  |
| <input type="checkbox"/> Đã xảy ra chuyện gì đó không bình thường |  |



- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Hãy hỏi thăm con em                 | <input type="checkbox"/> Hãy cho con em nghỉ ngơi |
| <input type="checkbox"/> Có lẽ nên đưa con em đi khám bác sĩ |   |

**Về đồ vật mang theo**

Yêu cầu mang những vật sau đây đến trường

1. Ngày cần dùng      tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)

2. Đồ vật mang theo: ( \_\_\_\_\_ )

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Hãy hỏi con em | <input type="checkbox"/> Hãy xem giấy thông báo kèm theo |
|---|--|

**Cần con dấu (Inkan)**

- Hãy đóng dấu vào chỗ có dấu ○.
- Hãy mang theo con dấu đến trường.

Khối lớp:      Lớp:      Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_      TEL: \_\_\_\_\_

**Liên lạc từ trường đến gia đình II**

**(Khi trường muốn liên lạc với phụ huynh)**

Năm                      Tháng                      Ngày

**<Xin hãy điện thoại đến trường>**

Trường có việc cần liên lạc với quý vị. Xin hãy điện đến (                      ):

045 –                      –                      \_\_\_\_\_

**<Xin hãy đến trường>**

Trường có chuyện cần bàn nên xin mời quý vị đến trường.

Hãy đến trường vào lúc: tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)  
từ \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút đến \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút

Thông dịch:              có / không có

\* Nếu quý vị không đến được vào ngày giờ ghi trên, xin hãy cho chúng tôi biết ngày giờ thuận tiện của quý vị.

tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) từ \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút đến \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút

hoặc là có thể đến trường vào

tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) từ \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút đến \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút

**<Đến thăm nhà>**

Trường có chuyện cần bàn nên Thầy/Cô \_\_\_\_\_ xin được đến thăm gia đình.

Sẽ đến vào tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) từ \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút đến \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút.

Thông dịch:              có / không có

\* Nếu quý vị cảm thấy không tiện, xin hãy cho chúng tôi biết ngày giờ thuận tiện của quý vị.

Chúng tôi sẽ đến trường vào tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) từ \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút đến \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút.

Xin hãy đến nhà vào tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_) từ \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút đến \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút.

Khối lớp:              Lớp:              Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_                      TEL: \_\_\_\_\_

**Liên lạc từ gia đình đến nhà trường**

Hãy liên lạc đến trường trong những trường hợp như sau.

Hãy đánh dấu  và nộp cho giáo viên chủ nhiệm.

Vào năm \_\_\_\_\_ / tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_, xin cho con tôi được

Nghỉ học

Tham quan giờ học thể dục

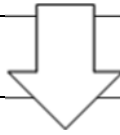
Đến trễ (con tôi sẽ đến trường vào lúc \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút)

Về sớm (con tôi sẽ ra về vào lúc \_\_\_\_\_ giờ \_\_\_\_\_ phút)

Xin cho con tôi được nghỉ một thời gian:

Từ: năm \_\_\_\_\_ / tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)

đến: năm \_\_\_\_\_ / tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_)



Lý do:

Vì chuyện riêng của gia đình

Về nước

Bị bệnh

Bị thương

Bị cảm

Đi khám bệnh

Bị sốt

Bị đau bụng

Bị nhức đầu

Cảm thấy không được khỏe

Khác ( \_\_\_\_\_ )

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_

Họ tên học sinh: \_\_\_\_\_

Họ tên phụ huynh: \_\_\_\_\_ (chữ ký)

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Trường hợp không rút được tiền cần phải đóng cho nhà trường**

Kính gửi: \_\_\_\_\_ Năm \_\_\_\_\_ Tháng \_\_\_\_\_ Ngày \_\_\_\_\_

Chúng tôi đã không thể rút được số tiền quý vị cần phải đóng cho nhà trường từ tài khoản ngân hàng.

Phần tiền tháng \_\_\_\_\_ Số tiền \_\_\_\_\_ yen

Nhà trường sẽ thu lại lần khác theo phương thức được đánh dấu  sau đây:

Hãy bỏ tiền vào trong tài khoản cho đến tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

Nhà trường sẽ rút một lần nữa.

Hãy mang tiền mặt đến trường, hạn chót là tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_ (thứ \_\_\_\_\_).

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

**Ayumi (Bảng thành tích)**

Khối lớp:      Lớp:      Số thứ tự:

Bộ môn	Quan điểm đánh giá	Tình trạng
Tiếng Nhật	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với tiếng Nhật	
	Năng lực nói, nghe	
	Năng lực viết	
	Năng lực đọc	
	Kiến thức và sự hiểu biết, kỹ năng về ngôn ngữ	
Xã hội	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với những hiện tượng xã hội	
	Biểu hiện, phán đoán, tư tưởng mang tính xã hội	
	Kỹ năng quan sát, sử dụng tư liệu	
	Kiến thức và sự hiểu biết về các hiện tượng xã hội	
Toán	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với toán học	
	Cách suy nghĩ mang tính toán học	
	Kỹ năng về số học, hình học	
	Kiến thức và sự hiểu biết về số học, hình học	
Khoa học tự nhiên	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với khoa học tự nhiên	
	Cách suy nghĩ, biểu hiện mang tính khoa học	
	Kỹ năng quan sát, thực nghiệm	
	Kiến thức và sự hiểu biết về các hiện tượng tự nhiên	
Môi trường sống	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với môi trường sống	
	Cách suy nghĩ, biểu hiện về các hoạt động, thể nghiệm	
	Nhận biết về bản thân và môi trường xung quanh	
Âm nhạc	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với âm nhạc	
	Sự sáng tạo trong biểu hiện âm nhạc	
	Kỹ năng biểu hiện âm nhạc	
	Năng lực thưởng thức	
Thủ công, vẽ	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với môn tạo hình	
	Năng lực hình dung và tưởng tượng	
	Kỹ năng sáng tạo	
	Năng lực thưởng thức	
Nữ công gia chánh	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với môn gia chánh	
	Năng lực sáng tạo trong đời sống	
	Kỹ năng sinh hoạt	
	Kiến thức và sự hiểu biết về đời sống gia đình	
Thể dục	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với việc vận động và an toàn, sức khỏe	
	Khả năng suy nghĩ, phán đoán về vận động, an toàn sức khỏe	
	Kỹ năng vận động	
	Kiến thức và sự hiểu biết về an toàn sức khỏe	
Những hoạt động đặc biệt	Hoạt động lớp	
	Hoạt động hội nhi đồng	
	Hoạt động câu lạc bộ	
	Những sự kiện, hoạt động của trường	
Hành động	Thói quen sinh hoạt cơ bản	
	Tăng cường sức khỏe, thể lực	
	Tự chủ, tự giác	
	Tinh thần trách nhiệm	
	Phát huy sáng kiến	
	Hợp tác và quan tâm đến người khác	
	Tôn trọng sinh mệnh, yêu mến thiên nhiên	
	Lao động tình nguyện	
	Công minh, công bằng	
	Tinh thần vì tập thể; giữ gìn đạo đức	

Nhận xét về các hoạt động bằng ngoại ngữ
Thái độ, ý thức và quan tâm đối với sự giao tiếp
Sự quen thuộc với ngoại ngữ
Đề ý đến ngôn ngữ, văn hóa

Tình trạng học tập từng bộ môn

**Phương pháp đánh giá tại cột tình trạng của từng bộ môn như sau:**

- Rất tốt                      ⊙
- Tốt                              ○
- Cần cố gắng hơn            △

Số giờ học tập tổng hợp

Những hoạt động đặc biệt

Những hành động

**Phương pháp đánh giá tại cột hành động và các hoạt động đặc biệt như sau:**

- Rất tốt                      ⊙
- Tốt                              ○

Số ngày có mặt / vắng mặt

Tháng							Cộng	Tổng cộng
Tổng số ngày học								
Nghỉ vì lý do đặc biệt, nghỉ vì gia quyến có tang								
Tổng số ngày vắng mặt								
Tổng số ngày có mặt								

## Bảng liên lạc

Trường công lập thành phố Yokohama

Năm học: Heisei

Hiệu trưởng:

Khối lớp:      Lớp:      Số thứ tự.:

Tên học sinh:

Giáo viên chủ nhiệm:

Tình trạng học tập theo từng quan điểm đánh giá								
Các bộ môn bắt buộc								
Bộ môn	Quan điểm đánh giá	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cuối năm		Ý kiến của giáo viên phụ trách bộ môn
		Đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá	Điểm đánh giá	Đánh giá	Điểm đánh giá	
Tiếng Nhật	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với tiếng Nhật							
	Năng lực nói, nghe							
	Năng lực viết							
	Năng lực đọc							
	Kiến thức, sự hiểu biết, kỹ năng về ngôn ngữ							
Xã hội	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với những hiện tượng xã hội							
	Biểu hiện, phán đoán, tư tưởng mang tính xã hội							
	Kỹ năng quan sát, sử dụng tư liệu							
	Kiến thức và sự hiểu biết về các hiện tượng xã hội							
Toán	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với toán học							
	Cách suy nghĩ mang tính toán học							
	Kỹ năng mang tính toán học							
	Kiến thức và sự hiểu biết về số học, hình học							
Khoa học tự nhiên	hái độ, ý thức và sự quan tâm đối với khoa học tự nhiên							
	Cách suy nghĩ, mang tính khoa học							
	Kỹ năng quan sát, thực nghiệm							
	Kiến thức và sự hiểu biết về các hiện tượng tự nhiên							
Âm nhạc	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với âm nhạc							
	Sự sáng tạo trong biểu hiện âm nhạc							
	Kỹ năng biểu hiện âm nhạc							
	Năng lực thưởng thức							
Mỹ thuật	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với mỹ thuật							
	Năng lực hình dung và tưởng tượng							
	Kỹ năng sáng tạo							
	Năng lực thưởng thức							
Thể dục	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với việc vận động và an toàn, sức khỏe							
	Khả năng suy nghĩ, phán đoán về vận động, an toàn sức khỏe							
	Kỹ năng vận động							
	Kiến thức và sự hiểu biết về an toàn sức khỏe							
Kỹ thuật, gia chánh	Thái độ, ý thức và sự quan tâm đối với môn gia chánh, kỹ thuật							
	Năng lực sáng tạo trong đời sống							
	Khả năng sinh hoạt							
	Kiến thức và sự hiểu biết về đời sống gia đình							
Tiếng Anh	Thái độ, ý thức và quan tâm đối với sự giao tiếp							
	Năng lực biểu hiện bằng tiếng nước ngoài							
	Năng lực hiểu tiếng nước ngoài							
	Kiến thức, sự hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa							

★ Đánh giá thành 5 mức độ một cách tổng hợp về tình trạng thực hiện mục tiêu như sau

5..... Đạt được mục tiêu, xuất sắc

4..... Đạt được mục tiêu, tốt

3..... Tương đối đạt được mục tiêu

2..... Còn một vài phần chưa đạt được mục tiêu, cần cố gắng hơn

1..... Còn nhiều phần chưa đạt được mục tiêu, cần cố gắng nhiều hơn nữa

★ Diễn tả tình trạng thực hiện mục tiêu bằng 5 ký hiệu như sau

A°..... Được đánh giá là rất tốt, xuất sắc

A..... Đánh giá là tốt

B..... Được đánh giá là tương đối tốt

C°..... Được đánh giá là cần phải cố gắng hơn

C..... Được đánh giá là phải cố gắng nhiều hơn



連絡票 (中学校)

Ghi chép số giờ học tập tổng hợp
----------------------------------

Hoạt động ủy ban / tổ	Sinh hoạt câu lạc bộ
-----------------------	----------------------

Ghi chép về số ngày đi học / vắng mặt													
	Tháng 4.	Tháng 5.	Tháng 6.	Tháng 7.	Tháng 8.	Tháng 9.	Tháng 10.	Tháng 11.	Tháng 12.	Tháng 1.	Tháng 2.	Tháng 3.	Tổng cộng
Tổng số ngày học													
Nghi vì lý do đặc biệt, gia quyền có tang													
Số ngày phải đi học													
Tổng số ngày vắng mặt													
Tổng số ngày có mặt													
Số ngày đi trễ													
Số ngày về sớm													

Cột liên lạc
--------------

Đóng dấu		
Hiệu trưởng	Giáo viên chủ nhiệm	Phụ huynh

Ý kiến phụ huynh:
-------------------

# Thông báo về việc gia nhập Trung Tâm Xúc Tiến Thể Thao Nhật Bản Năm học

Phòng Giáo Dục Thành Phố Yokohama

## ★ Trung Tâm Xúc Tiến Thể Thao Nhật Bản là gì?

Nhà trường rất chú trọng đến việc tạo ra môi trường sinh hoạt học tập an toàn, khỏe mạnh cho nhi đồng-học sinh, nhưng đôi khi cũng có những trường hợp bị thương không lường trước được xảy ra trong trường. Để có được nguồn kinh phí chữa trị hoặc tiền an ủi đến gia đình học sinh trong những trường hợp này, chính phủ đã lập ra Luật “Chế độ phụ cấp cứu tế tai nạn” mà cụ thể là Trung Tâm Xúc Tiến Thể Thao Nhật Bản này. Cơ bản là mọi người tự ý gia nhập chế độ này, nhưng tại thành phố Yokohama, từ khi lập ra chế độ này đến nay thì tất cả các học sinh đang theo học trong các trường của thành phố đều gia nhập, hàng năm cũng có nhiều gia đình đã nhận phụ cấp về phí chữa trị của chế độ này.

## ★ Ai có thể nhận được phụ cấp này?

Đương nhiên những nhi đồng-học sinh bị thương khi đang trong giờ học hoặc trong lúc tham gia các hoạt động ngoại khóa sẽ được nhận. Ngoài ra, trong giờ chơi, trên đường đến trường hoặc trên đường về nhà mà bị thương do tai nạn, cũng được xem là đối tượng lãnh phụ cấp cứu tế tai nạn này. Tuy nhiên, trong trường hợp tai nạn giao thông v.v. nếu đã lãnh được tiền bồi thường từ những nơi khác rồi thì sẽ không nhận được thêm phụ cấp này nữa.

## ★ Hình thức nhận phụ cấp, số tiền

Khi bị thương phải đến bệnh viện chữa trị, nhi đồng – học sinh sẽ được cấp số tiền tương đương với 4/10 của số tiền viện phí phải trả sau khi đã tính bảo hiểm sức khỏe. Tuy nhiên, trong trường hợp phí chữa trị không tới 5.000 yên, hoặc đã nhận được phần hoàn trả của hãng bảo hiểm sức khỏe khi phải trả phí chữa trị cao, thì không được nhận phụ cấp này.

Nếu bị di chứng vì tai nạn, đối tượng nhận lãnh cũng sẽ được phụ cấp số tiền gọi là tiền an ủi. Tùy theo mức độ của di chứng, sẽ được phụ cấp số tiền từ mức thấp nhất là 820.000 yên (cấp 14) đến mức cao nhất là 37.700.000 yên (cấp 1). (tuy nhiên, trường hợp bị thương khi đang trên đường đến trường hoặc trên đường về nhà thì chỉ nhận được phân nửa thôi).

Trong trường hợp tử vong, tùy theo tình trạng mà cũng được cấp tiền an ủi khoảng chừng 28.000.000 yên (tuy nhiên, trường hợp tử vong không do nguyên nhân là hoạt động thể thao, chẳng hạn như chết bất đắc kỳ tử, hoặc tử vong do tai nạn trong khi đang đi đến trường hoặc đang về nhà, thì chỉ nhận được phân nửa mà thôi).

## ★ Về việc đóng tiền quỹ cho bảo hiểm này

Số tiền phụ huynh phải đóng là 460 yên (một năm) (Số tiền Phòng Giáo Dục Thành Phố Yokohama phải chịu là 485 yên)

Hóa đơn đóng tiền cũng như giấy chứng nhận gia nhập Trung Tâm chỉ cấp chung cho tất cả và sẽ gửi đến Hội trưởng Hội Phụ huynh. Không cấp riêng cho từng phụ huynh, mong quý vị thông cảm.

**= Các chi tiết liên quan xin hãy hỏi nhà trường =**

Khối lớp:            Lớp:            Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL: \_\_\_\_\_

Văn bản kêu gọi chú ý bệnh cúm

Năm Tháng Ngày

Kính gửi quý vị phụ huynh

Trường công lập

thành phố Yokohama

Hiệu trưởng

### Yêu cầu theo dõi sức khỏe

Theo thông báo của Phòng Y Tế thành phố Yokohama, hiện nay trong thành phố đang có dịch cúm. Trong trường cũng có ( ) em phải nghỉ học vì bị bệnh cúm này.

Nhà trường từ trước tới nay đã và đang thực hiện việc theo dõi sức khỏe của nhi đồng-học sinh, và sẽ tiếp tục tăng cường việc chỉ đạo học sinh thực hiện “rửa tay, súc miệng” triệt để hơn nữa.

Tại gia đình, mong quý vị tiếp tục hợp tác như sau:

1. Hãy đo nhiệt độ cơ thể con em trước khi đi học, xác nhận rằng con em không bị sốt rồi hãy cho đến trường.
2. Hàng ngày rửa tay cẩn thận bằng xà phòng, súc miệng, bị ho thì đeo khẩu trang, thực hiện “*Seki Echiket*” (cách thức khi ho, có nghĩa là, khi ho hoặc hắt xì thì quay mặt sang hướng không có người, dùng giấy tissue v.v. để che miệng lại. Sau đó vứt ngay giấy đó vào thùng rác, nếu được dùng thùng rác có nắp đậy. Nếu dùng tay để che miệng thì phải rửa tay ngay).
3. Trường hợp phát sốt, trong người không được khỏe, đừng cố đến trường làm gì, hãy nghỉ ngơi cho thật khỏe.
4. Trong trường hợp nghỉ học vì cơ thể không được khỏe, hãy thông báo đến trường tình trạng phát sốt .v.v theo những điểm như sau.
  - (1) Tình trạng sốt (đo nhiệt lúc \_\_\_\_\_ giờ, nhiệt độ cơ thể là \_\_\_\_ : \_\_\_\_ độ).
    - \* Cần phải đo thân nhiệt, cho dù có sốt hay không cũng phải thông báo cho nhà trường.
  - (2) Đã có đi khám bác sĩ rồi hay chưa. Nếu đã đi khám rồi, hãy cho nhà trường biết những điểm như sau:
    - Tên bệnh
    - Nếu bị chẩn đoán là cúm, hãy cho biết ngày có thể đi học lại.
5. Nếu có mang những bệnh cơ bản trong người (bệnh liên quan đến hô hấp như suyễn, tim mạch tính, tiểu đường, thận v.v.) mà cảm thấy không được khỏe, hãy đi khám càng sớm càng tốt.
6. Khi cơ thể không được khỏe, nên cho con em nghỉ lớp học thêm hoặc những môn học khác thì tốt hơn.
7. Để nâng cao hệ miễn dịch, hãy chú ý sống theo nề nếp nghiêm túc như ngủ sớm, dậy sớm, ăn uống điều độ, cân bằng, đầy đủ.

Nơi liên lạc: Trường công lập

thành phố Yokohama

TEL: ( — ) FAX: ( — )

Kính gửi quý vị phụ huynh

Năm Tháng Ngày  
Trường công lập thành phố Yokohama  
Hiệu trưởng

## Thông báo và yêu cầu về vấn đề cho nghỉ học vì dịch cúm

Theo thông báo của Phòng Y Tế thành phố Yokohama, hiện nay trong thành phố đang có dịch cúm. Trong trường hiện cũng có em thuộc khối lớp lớp phải nghỉ học vì bị ốm. Theo chỉ thị của Phòng Giáo Dục thành phố Yokohama, trường cho khối lớp sau được nghỉ học tạm thời.

### 1. Khối lớp bị đóng cửa: \_\_\_\_\_ lớp \_\_\_\_\_

Từ tháng / ngày (thứ ) đến tháng / ngày (thứ ).

Tùy theo tình hình dịch lan truyền mà Phòng Giáo Dục sẽ có thông báo thay đổi thời gian nghỉ. Khi có thay đổi sẽ liên lạc đến gia đình bằng điện thoại theo danh sách liên lạc.

### 2. Phòng chống bệnh dịch lan rộng

- (1) Hàng ngày rửa tay cẩn thận bằng xà phòng, súc miệng, bị ho thì đeo khẩu trang, (gọi là “*Seki Echiket*”)
- (2) Nếu có mang những bệnh cơ bản trong người (bệnh liên quan đến hô hấp như suyễn, tim mạch, tiểu đường, thận v.v.) mà cảm thấy không được khỏe, hãy đi khám càng sớm càng tốt.
- (3) Khi con em không được khỏe, nếu không có chuyện gì cần thiết hoặc chuyện khẩn cấp thì nên tránh đừng đi ra ngoài. Trong trường hợp bắt buộc phải đi ra ngoài, hãy triệt để đeo khẩu trang, rửa tay, súc miệng, phòng chống đừng cho dịch nhiễm lan rộng.
- (4) Hãy giải thích cho con em lý do tại sao phải nghỉ học và không được đi ra ngoài, khuyên bảo con em nên ở trong nhà.
- (5) Khi cơ thể không được khỏe, nên cho con em nghỉ lớp học thêm hoặc những môn học khác thì tốt hơn.
- (6) Để nâng cao hệ miễn dịch, hãy chú ý sống theo nề nếp nghiêm túc như ngủ sớm, dậy sớm, ăn uống điều độ, cân bằng, đầy đủ.
- (7) Những nhi đồng-học sinh thuộc khối lớp phải nghỉ học, trên nguyên tắc không được tham gia các hoạt động ngoại khóa như hoạt động câu lạc bộ đặc biệt (hoạt động câu lạc bộ).

### 3. Những thông báo khác

Nhi đồng thuộc khối lớp phải nghỉ học, cho dù có cảm thấy không được khỏe hay không cũng không được tham gia “*Hamakko Fureai School*”, “*Hōkago Kids Club*”, “Câu lạc bộ nhi đồng sau giờ học” (*Gakudō*).

Nơi liên lạc: Trường công lập thành phố Yokohama

TEL: ( — ) FAX: ( — )



Năm Tháng Ngày

Kính gửi quý vị phụ huynh

Trường công lập

thành phố Yokohama

Nha sĩ của trường

## Lời khuyên đi khám nha khoa

Xin thông báo về kết quả khám nghiệm miệng, răng lần này của con em quý vị.

1. Có răng sâu. Hoặc là nghi ngờ có răng sâu.
2. Phần nướu có bệnh.
3. Có cao răng.
4. Nên đi khám vì răng không đều, cắn không khớp, có vấn đề phần xương hàm.
5. Những cái khác (răng sữa cần chú ý v.v... )

Nên đưa con em đến khám ở bác sĩ nha khoa càng sớm càng tốt.

Sau khi khám xong, phụ huynh hãy điền vào giấy báo cáo khám bệnh rồi đem nộp cho nhà trường.

----- Vạch cắt -----

**<Dùng cho phụ huynh điền>**

Năm Tháng Ngày

Hiệu trưởng

## Giấy báo cáo khám bệnh

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Họ tên: \_\_\_\_\_

Người điền (phụ huynh): \_\_\_\_\_

Xin báo cáo về việc đã đưa con em chúng tôi đi khám.

1. Đã chữa răng sâu.
2. Đã chữa bệnh ở phần nướu răng.
3. Đã lấy cao răng.
4. Những cái khác ( \_\_\_\_\_ )

Ngày chữa xong: năm \_\_\_\_\_ / tháng \_\_\_\_\_ / ngày \_\_\_\_\_

Tên bệnh viện ( \_\_\_\_\_ )

Heisei      Tháng      Ngày

Kính gửi quý vị phụ huynh

Hiệu trưởng trường công lập

thành phố Yokohama

Bác sĩ nhãn khoa của trường

## Khuyến khích nên đưa con em đi khám nhãn khoa

Qua kết quả khám sức khỏe, nhà trường xin thông báo về thị lực của con em như sau, và nếu được yêu cầu quý phụ huynh nên đưa con em đi khám mắt ở bệnh viện nhãn khoa. Khi đi bệnh viện, nhớ mang theo thẻ bảo hiểm sức khỏe.

Phần trong ngoặc (      ) là thị lực khi có đeo mắt kính hoặc kính sát trùng.

Khối lớp Mắt	1	2	3	4	5	6
Phải	(      )	(      )	(      )	(      )	(      )	(      )
Trái	(      )	(      )	(      )	(      )	(      )	(      )

- Sau khi khám hãy nhờ bác sĩ ghi vào phiếu dưới đây và đem nộp cho nhà trường.

----- Vạch cắt -----

Hiệu trưởng

Heisei

Tháng

Ngày

Tên bệnh viện, phòng khám:

Tên bác sĩ nhãn khoa:

(chữ ký)

## Kết quả chẩn đoán

Khối lớp: \_\_\_\_\_ Lớp: \_\_\_\_\_ Ho tên: \_\_\_\_\_

(1) Tên bệnh

- |           |                         |                        |                        |
|-----------|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Mắt phải: | 1. Cận thị              | 2. Cận thị có loạn thị | 3. Viễn thị            |
|           | 4. Viễn thị có loạn thị | 5. Loạn thị hỗn hợp    | 6. Thị lực bình thường |
| Mắt trái: | 1. Cận thị              | 2. Cận thị có loạn thị | 3. Viễn thị            |
|           | 4. Viễn thị có loạn thị | 5. Loạn thị hỗn hợp    | 6. Thị lực bình thường |

(2) Thị lực

	Mắt thường	Có chỉnh sửa	Khi có đeo mắt kính
Phải			
Trái			

(3) Cách xử lý

- |                                  |                       |
|----------------------------------|-----------------------|
| 1. Dùng mắt kính, kính sát trùng | 2. Cần thay đổi tròng |
| 3. Cần khám kỹ và trị liệu.      | 4. Cần theo dõi tiếp  |
|                                  | 5. Những cái khác     |







Heisei                      Tháng                      Ngày

Kính gửi quý vị phụ huynh

Hiệu trưởng trường công lập

thành phố Yokohama

## Thông báo về việc lấy xét nghiệm trứng giun / ký sinh trùng

Việc lấy xét nghiệm trứng giun / ký sinh trùng cho con em sẽ được thực hiện như sau. Nếu có giun trong người, con em sẽ cảm thấy ngứa ở vùng hậu môn, lúc nào cũng cảm thấy khó chịu bực bội, không bình tĩnh được. Nếu có kết quả là có giun, phụ huynh hãy nhanh chóng đưa con em đi khám ở bệnh viện hoặc bàn bạc với tiệm thuốc.

<b>Ngày phát giấy kiểm tra:</b>	<b>tháng</b>	<b>/ ngày</b>	<b>(thứ</b>	<b>)</b>
<b>Thời gian kiểm tra:</b>	<b>2 ngày, từ tháng</b>	<b>/ ngày</b>	<b>(thứ</b>	<b>)</b>
	<b>đến tháng</b>	<b>/ ngày</b>	<b>(thứ</b>	<b>)</b>
<b>Ngày nộp :</b>	<b>tháng</b>	<b>/ ngày</b>	<b>(thứ</b>	<b>)</b>

**\* Hạn chót là 9 giờ sáng tháng                      ngày                      . Hãy nhớ nộp .**

[Cách kiểm tra]

- Hãy ghi họ tên, giới tính, khối lớp, lớp, số thứ tự của con em lên mặt trước của bao giấy.
- Sáng thức dậy, hãy kiểm tra ngay. (Hãy kiểm tra trước khi đi tiêu tiểu)
- Kiểm tra làm 2 lần. (giữa hai lần có cách ngày cũng được).

<<Ngày thứ nhất>>

- [1] Hãy lột miếng băng dán bằng ni-lông của ngày thứ nhất ra.



- [2] Để phần vòng tròn màu xanh vào ngay hậu môn, dùng ngón tay nhấn mạnh.



- [3] Làm xong hãy trả miếng băng dán về vị trí cũ.

<<Ngày thứ hai>>

- [1] Hãy lột miếng băng dán bằng ni-lông của ngày thứ hai ra.



- [2] Hãy làm giống như cách làm của ngày thứ nhất.

- [3] Sau khi kiểm xong, lột miếng băng dán ra, dán hai phần vòng tròn màu xanh cho khớp lại với nhau.



- [4] Bỏ vào trong bao giấy mang đến nộp cho trường.

Heisei                      Tháng                      Ngày

Kính gửi quý vị phụ huynh

Hiệu trưởng trường công lập

thành phố Yokohama

## Thông báo về việc kiểm nước tiểu

Việc kiểm nước tiểu sẽ được thực hiện như sau. Kiểm tra thử xem trong nước tiểu có lẫn “chất đạm”, “đường”, “máu” hay không. Nếu bị nghi ngờ là có bệnh, phải kiểm tra kỹ lưỡng. Nhà trường có phát bình đựng, hãy lấy nước tiểu bỏ vào đó và mang nộp cho trường vào ngày được chỉ định.

**Ngày kiểm và nộp: tháng                      / ngày                      (thứ                      )**

[Thứ tự làm]

① Tối hôm trước ngày lấy nước tiểu, hãy đi tiểu trước khi ngủ.

Đừng uống nước ngọt hoặc thuốc có chất vitamin C kể từ chiều ngày hôm trước.

② Hãy ghi tên học sinh, giới tính, tuổi, khối lớp, lớp, số thứ tự của con em vào bao giấy bằng bút mực.

③ Hãy ghi số có ghi trên bao lên bình đựng nước tiểu.

④ **Sáng tháng                      ngày                      , (thứ                      ) dậy và lấy ngay nước tiểu (nước tiểu đầu tiên trong ngày).**

Hãy lấy bình đựng hút nước tiểu ở trong ly vào, hút cho đến lần gạch chấm chấm, xong đậy nắp lại thật chặt.

⑤ Bỏ vào trong bao giấy mang đến nộp cho trường.

Gấp phần này ra phía sau  
.....  
Gấp ra phía sau một lần nữa  
.....


**Kiểm tra nước tiểu**

Trường			
Khối lớp và lớp	Khối lớp: Lớp:		
Họ tên			
Giới tính	Nam / nữ		
Số thứ tự.		Tuổi	

Chú ý

◇ Số kiểm tra của bạn là số . Hãy ghi số này bằng bút mực thật rõ ràng lên trên phần giấy dán trên thân bình đựng nước tiểu.

Chất đạm	Máu	Đường



# Bản điều tra về bệnh tim của học sinh, thiếu nhi trường công lập thành phố Yokohama

Thành phố Yokohama		Tiểu học		Số hiệu	
Trung học cơ sở		Trường		Cầu lạc bộ *	
Trung học phổ thông		Lớp		Tên nhóm hoạt động	
Họ tên		Nam - Nữ		Chiều cao	
		( Tuổi)		cm	
		Chiều cao		Cân nặng	
		cm		kg	

**Câu hỏi 1** Cho đến nay đã từng nghe bác sĩ nói "nhịp tim có vấn đề, có tiếng tim thổi" bao giờ chưa? 10

A: Có  
B: Chưa

**Câu hỏi 2** Cho đến nay đã từng nghe bác sĩ nói bị "bệnh Kawasaki (một loại của MCLS, hội chứng da niêm mạc, u hạch bạch huyết)" chưa? 20

A: Có  
B: Chưa

**Câu hỏi 3** Gần đây, có những biểu hiện nào như bên dưới không?

- 1) Đã từng mất tri giác hoặc bị co giật
- 2) Thi thoảng nhịp đập bị gián đoạn (ngừng)
- 3) Không làm bất cứ gì nhưng đột nhiên nhịp tim đập nhanh (trên 150 lần/ phút)
- 4) Tim đau thắt như bị bóp chặt

A: Có B: Chưa  
A: Có B: Chưa  
A: Có B: Chưa  
A: Có B: Chưa

**Câu hỏi 4** Trong gia đình hoặc người thân có người bị bệnh cơ tim khác với tác nghiên cơ tim và bị đột tử trước 40 tuổi không? (loại trừ mất do tai nạn khác)

A: Có B: Chưa

**Cột ghi dành cho trường học :** Quý vị không phải ghi vào các dòng bên dưới này.

- l: Những phát hiện của y tế nhà trường (Có, Không)
- 1) Bị chứng xanh tím tái (Có, Không)
  - 2) Đau ngón tay bị to, móng tay lồi lén (Có, Không)
  - 3) Sưng tay (Có, Không)
  - 4) Biến dạng lồng ngực / (Phồng lên, Phẳng, Ngực lõm, Không có)
  - 5) Tiếng tim bất thường / tiếng tim thổi (Có, Không)

l: Ý kiến của giáo viên chủ nhiệm hoặc phụ trách (Có, Không)

10

Kính gửi quý vị phụ huynh

Ủy ban giáo dục thành phố Yokohama  
Hiệu Trưởng trường

Nhằm mang tới cho trẻ em sự vui vẻ trong các hoạt động ở trường, chúng tôi xin tổ chức buổi khám sức khỏe định kì tại trường học. Trong đó sẽ tổ chức kiểm tra bệnh tim, bởi phát hiện sớm bệnh tim cũng với việc quản lý sức khỏe là rất quan trọng.  
Bản điều tra này nhằm nắm rõ và chính xác tình trạng bệnh tim của con quý vị nên là tài liệu rất quan trọng, rất mong quý vị ghi thông tin đầy đủ, tránh bị thiếu sót. Những nội dung ghi trong này chỉ được sử dụng để kiểm tra về bệnh tim, ngoài ra không dùng với mục đích khác.

**Chú ý khi nhập:** Hãy khoanh tròn tất cả ký hiệu thích hợp và ghi chú vào phần mở ngoặc

Lần đầu được nghe nói là khi nào?		Tuổi		Tháng	
Tên bệnh lúc đó					
a Tim bẩm sinh (Tên bệnh)					
b Bệnh tim khác (Tên bệnh)					
c Chứng loạn nhịp tim (mạch bị xáo trộn)					
d Tim to (Tên bệnh)					
e Tiếng tim thổi					
f Bệnh khác (Tên bệnh)					
Tình trạng sau đó					
a Không có gì khác thường khi kiểm tra chi tiết					
b Đã từng phẫu thuật tim → hiện tại:		A: Đang đi khám định kỳ		B: Đã hết đi khám	
c Đã từng điều trị nội khoa → hiện tại:		A: Đang đi khám định kỳ		B: Đã hết đi khám	
d Không điều trị, chỉ khám → hiện tại:		A: Đang đi khám định kỳ		B: Đã hết đi khám	
* B: Li do không đi khám định kỳ trong các mục b, c, d ở trên					
(1) Được nói rằng đã khỏi (2) Tự nhiên trở thành không đi khám					
e Cứ để nguyên như vậy và không làm gì cả					
f Ngoài ra ( )					
Tên bệnh viện đã điều trị hoặc đang điều trị ( )					
Ngày điều trị cuối cùng (Năm Tháng )					

Có từ khi nào?		Tuổi		Tháng	
Tên bệnh viện đã khám hoặc điều trị					
Tình trạng sau đó					
a Bác sĩ nói rằng tim có biến chứng (có u, bướu ở vành động mạch)		A: Có		B: Không	
b Đã từng kiểm tra chụp động mạch vành (đặt ống thông tim)		A: Có		B: Không	
c Hiện tại vẫn kiểm tra, khám định kì		A: Có		B: Không	
d Đã khám định kì nhưng được bác sĩ nói rằng từ giờ trở đi không phải khám, kiểm tra nữa		A: Có		B: Không	
e Có lịch khám định kì nhưng mà không khám		A: Có		B: Không	
Những người khác ngoài tròn câu d, e thì tuổi của lần khám cuối cùng là ( Tuổi Tháng)					

<< Mục đích sử dụng thông tin cá nhân >>  
Thông tin cá nhân của người được điều tra chỉ được sử dụng với mục đích điều tra nhằm nắm rõ tình trạng sức khỏe, lập tài liệu báo cáo, quản lý độ chính xác của kết quả điều tra và sử dụng cho các cuộc điều tra bổ sung.



Kính gửi quý vị phụ huynh

Heisei            Tháng            Ngày

Trường công lập            thành phố Yokohama

Hiệu trưởng

## Thông báo về chế độ trợ cấp phí chữa “bệnh trường học”

Đối với những học sinh được chứng nhận là “nhi đồng-học sinh cần bảo hộ” hoặc nhi đồng-học sinh “dự bị cần bảo hộ”, nếu mang những bệnh được liệt kê trong bảng sau đây sẽ được nhận trợ cấp phí chữa bệnh.

Nếu quý vị có nguyện vọng, xin hãy thông báo với trường. Nhà trường sẽ cấp phiếu chữa trị.

### “Bệnh trường học”

- ① Bệnh đau mắt hột hoặc viêm giác mạc (ngoại trừ bệnh viêm giác mạc vì dị ứng)
- ② Bệnh Ecpet màng tròn (vẩy nến), ghẻ , chốc lở
- ③ Viêm tai giữa
- ④ Viêm mũi (giới hạn trong trường hợp viêm xoang cạnh mũi), dạng hạch viên va
- ⑤ Sâu răng (chữa nha chu hoặc các chữa trị không liên quan đến răng sâu sẽ không nằm trong đối tượng nhận trợ cấp này)
- ⑥ Bệnh ký sinh trùng ( gồm cả trứng ký sinh trùng )

\* Hãy hỏi bệnh viện, phòng khám hoặc hiệu thuốc trước thử xem có thể dùng phiếu chữa trị hay không.

(Mẫu 9)

Thư gửi phụ huynh yêu cầu đi kiểm tra kỹ lưỡng (cấp 1, 2)

Heisei Tháng Ngày

Khối lớp: Lớp: Họ tên:  
Kính gửi quý vị phụ huynh

Trường công lập thành phố Yokohama  
Hiệu trưởng

## Thông báo về việc kiểm tra kỹ lưỡng bệnh lao

Dựa vào tình trạng ở phiếu phỏng vấn điều tra bệnh lao do quý vị đã điền và kết quả chẩn đoán của bác sĩ trường:

**Nhà trường yêu cầu quý phụ huynh hãy đưa con em đến kiểm tra (chụp X quang trực tiếp phần ngực) tại các cơ sở y tế chỉ định.**

Yêu cầu quý vị hãy đưa con em đi khám trước cuối tháng 8 tại những cơ sở y tế được chỉ định theo như bảng danh sách kèm theo. (Chi phí chụp X quang trực tiếp phần ngực sẽ do nhà nước đảm trách).

Hãy điện thoại lấy hẹn trước khi đi khám, và nhớ mang theo những vật sau:

1. Thẻ bảo hiểm sức khỏe
2. Phiếu yêu cầu kiểm tra kỹ lưỡng bệnh lao (4 tờ)
3. Bản sao Phiếu phỏng vấn điều tra
4. Phần dưới vạch cắt của giấy này (gửi bác sĩ các cơ sở y tế chỉ định)

Nếu có thắc mắc, xin hãy liên lạc đến nhân viên y tế trường theo số điện thoại \_\_\_\_\_.

..... Vạch cắt .....

### [Kính gửi bác sĩ các cơ sở y tế chỉ định]

Sau khi thực hiện khám bệnh lao ở trường, nhi đồng-học sinh trong giấy kèm theo có những triệu chứng như sau:

(Trường đánh vòng tròn vào mục thích hợp)

1. Có những triệu chứng như ho kéo dài liên tục trong hai tuần
2. Trong vòng 3 năm qua, các em có tổng cộng thời gian sống ở nước ngoài là hơn nửa năm

Vì thế, yêu cầu hãy thực hiện việc kiểm tra kỹ lưỡng như sau:

- Chụp X quang trực tiếp phần ngực (sau khi có kết quả, nếu thầy cần thiết phải kiểm tra nữa, hãy thực hiện kiểm tra đờm, nước miếng hoặc những kiểm tra cần thiết khác)

(Mẫu 10)

Heisei            Tháng            Ngày

Khôi lớp:          Lớp:            Họ tên:

Kính gửi quý vị phụ huynh

Trường công lập  
Hiệu trưởng

thành phố Yokohama

## **(Thông báo) sẽ có liên lạc từ Trung Tâm Y Tế Phúc Lợi Quận về việc kiểm tra bệnh lao**

Dựa vào kết quả qua phiếu phỏng vấn điều tra bệnh lao do quý phụ huynh ghi, khám nghiệm của bác sĩ của trường và ý kiến, xác nhận của cơ quan chuyên môn là Trung Tâm Y Tế Phúc Lợi Quận về tình trạng sức khỏe của con em quý vị., chúng tôi thấy cần thiết phải trao đổi thêm với quý phụ huynh để quyết định xem có cần đưa con em đi kiểm tra kỹ lưỡng không.

Vì thế, vài ngày sau, sẽ có liên lạc bằng điện thoại từ Trung Tâm Y Tế Phúc Lợi Quận, mong quý vị hợp tác.

Nếu có thắc mắc, xin hãy liên lạc đến nhân viên y tế trường theo số điện thoại \_\_\_\_\_.





## Hướng dẫn về chế độ được phép theo học trường ngoài tuyến

Tại thành phố Yokohama, trên nguyên tắc là phải đi học tại trường theo tuyến do Quận chỉ định. Chỉ những trường hợp sau đây mới có thể theo học trường ngoài tuyến.

Lý do có thể theo học trường ngoài tuyến chỉ định	Thủ tục
Trường được chỉ định ở xa nhà, muốn học ở trường gần nhà hơn. (Khoảng cách từ trường chỉ định đến nhà, với cấp 1 là hơn 2 km, cấp 2 là hơn 3 km)	Sau khi nhận được giấy chấp thuận của hiệu trưởng trường muốn vào học ngoài tuyến, phải đến làm thủ tục xin phép tại Ủy ban quận nơi có đăng ký thường trú.
Vì có bệnh nên muốn học ở trường gần nhà (cần có giấy tờ chứng nhận)	
Dọn nhà đi nơi khác rồi nhưng vẫn muốn học ở trường đã theo học.	
Vì sau khi tan trường về, ở nhà không có ai trông nom con em, nên muốn được theo học ở trường có nhà giữ trẻ hoặc trường nằm trong khu vực có nơi làm việc của phụ huynh.	
Vì có anh chị em đang theo học tại trường ngoài tuyến nên muốn theo học tại trường cùng với anh chị em.	
Vì có dự định dọn nhà vào khoảng giữa năm học, do đó muốn theo học tại trường của nơi dọn đến ngay từ trước khi dọn (cần có giấy tờ chứng nhận)	Cần phải làm thủ tục xin phép tại Ủy ban quận nơi có đăng ký thường trú.
Vì xây nhà mới, sửa nhà v.v. nên phải tạm thời dọn đi nơi khác nhưng vẫn muốn tiếp tục học tại trường đang học. (cần có giấy tờ chứng nhận)	
Vì tại trường cấp 2 theo tuyến được chỉ định không có câu lạc bộ mà từ trước đến nay từng sinh hoạt, vì thế muốn chuyển sang trường có câu lạc bộ đó. Là trường cấp 2 gần nhà nhất, và sẽ tham gia câu lạc bộ đó. (cần có giấy tờ chứng nhận)	Sau khi nhận được chấp thuận của hiệu trưởng trường được chỉ định theo tuyến và trường muốn vào học ngoài tuyến, cần phải đến làm thủ tục xin phép tại Ủy ban quận nơi có đăng ký thường trú.

◎ Tùy theo tình trạng của trường, có khi không được chấp nhận.

◎ Nếu vì lý do khác, hãy bàn bạc với hiệu trưởng trường được chỉ định theo tuyến và hiệu trưởng trường muốn vào học ngoài tuyến.

◎ Nơi liên lạc: Bộ phận phụ trách đăng ký phòng hộ khẩu ủy ban quận, sở giáo dục, phòng hành chính, ban hỗ trợ học đường, tổ nhập học, trường con em đang theo học, hoặc trường có nguyện vọng vào học.

**Hướng dẫn về buổi giải thích dành cho phụ huynh có con em sắp nhập học cấp 2**

Năm Tháng Ngày

Đây là buổi giải thích rất quan trọng về những điều liên quan đến việc nhập học trường cấp 2.

Yêu cầu quý phụ huynh nhất định tham dự.

Kính gửi quý vị phụ huynh có con em sắp nhập học cấp 2

Trường công lập cấp 2 thành phố Yokohama  
Hiệu trưởng

Trường chúng tôi sẽ tổ chức buổi giải thích dành cho phụ huynh có con em sắp vào cấp 2. Xin mời quý vị tham dự.

1. Ngày thực hiện: Năm tháng ngày (thứ )

Từ : đến : (sáng / chiều)

2. Địa điểm:  Phòng thể thao  Nơi khác ( )

3. Nội dung:
- Giới thiệu khái quát về trường
  - Những chuẩn bị trước khi nhập học
  - Học phí và cách nộp học phí
  - Những điều khác
  - Hỏi đáp

[Những điều cần chú ý] Trường không có bãi xe. Yêu cầu dùng đến bằng xe ô tô.

Hãy mang theo dép mang trong nhà.

\* Nơi liên lạc: Trường cấp 2 \_\_\_\_\_

TEL: 045 ( ) \_\_\_\_\_





**VỀ VIỆC PHÁT HÀNH GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC SINH (Tsūgaku Shōmeisho)**

Năm            Tháng            Ngày

- Nhà trường sẽ cấp giấy chứng nhận học sinh cho các em nhà ở xa, ngoài khu vực học quy định, đến trường bằng xe buýt hoặc xe điện.
- Với giấy chứng nhận này, các em sẽ mua vé xe đi học định kỳ với giá được giảm phân nửa cho học sinh.
- Vé xe đi học định kỳ có các loại: kỳ hạn 1 tháng, kỳ hạn 3 tháng và kỳ hạn 6 tháng.
- Hãy điền vào các khung có đánh dấu \* và nộp cho giáo viên chủ nhiệm và sau đó các em sẽ nhận giấy chứng nhận.

Số.....

**Giấy Chứng Nhận Học Sinh**

Phân loại hoặc số chỉ định của nhà trường	Trường cấp 2	Phân loại	Chương trình cấp 2
---	--------------	-----------	--------------------

*	Họ tên học sinh Tuổi, giới tính	Nam (tuổi:    ) Nữ		
*	Địa chỉ	Số điện thoại	(    )	
*	Niên khóa	Khối lớp		
*	Số thẻ học sinh			
*	Đường đi học	Từ ga (trạm)	đến ga (trạm)	đi qua ga
*	Thời hạn hiệu lực của vé xe đi học định kỳ	tháng		
	* Sử dụng vé xe đi học định kỳ kể từ ngày	Từ năm	tháng	ngày
	Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận học sinh	Đến năm	tháng	ngày

Chứng Nhận	Ngày cấp	Năm.....tháng.....ngày.....	Dấu chức vụ của Nhân viên đại diện
	Địa chỉ trường	.....	
	Tên trường	.....	
	Họ và tên nhân viên đại diện trường	.....	

1. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày được ghi bên trên (1 tháng).
2. Đơn vị cấp giấy chứng nhận này sẽ điền vào những khung không có đánh dấu \* (bao gồm khoanh tròn phần giới tính).
3. Học sinh sẽ điền vào những khung có đánh dấu \*.
4. Trường hợp chỉnh sửa những điều đã ghi, nếu không có con dấu xác nhận của học sinh ở các khung có đánh dấu \* hoặc không có con dấu chức vụ của nhân viên đại diện đơn vị ở các khung không có đánh dấu \* thì giấy chứng nhận này sẽ không thể sử dụng được.

Điền ghi vào các khung dưới đây.

Đến	năm	tháng	ngày
(Ga phát hành)	(Số vé xe đi học định kỳ)		(Ngày phát hành)
(Giá vé thông lệ)	(Giá vé bán ra)		(Chênh lệch giá)

**VỀ VIỆC PHÁT HÀNH GIẤY GIẢM GIÁ CHO HỌC SINH**

Năm                      Tháng                      Ngày

- Khi học sinh đi du lịch xa hơn (hoặc bằng) 101 km thì sẽ được cấp “giấy giảm giá cước tàu khách cho học sinh, sinh viên” (Giảm giá cho học sinh).
- Với giấy giảm giá cho học sinh này, các em có thể mua vé xe, vé tàu với giá giảm cho học sinh.
- Hãy điền vào đơn xin cấp giấy giảm giá cho học sinh như dưới đây, nộp cho giáo viên chủ nhiệm, sau đó sẽ nhận được giấy cấp của trường.
- Thời hạn hiệu lực là 3 tháng kể từ ngày phát hành.

**Đơn Xin Cấp Giấy Giảm Giá Cho Học Sinh (số phát hành:                      )**

Tuyến xe điện	Từ ga                      đến ga                      (đi qua ga                      )
Loại vé	<input type="checkbox"/> Một chiều <input type="checkbox"/> Khứ hồi <input type="checkbox"/> Liên tục <input type="checkbox"/> Tua tham quan
Khối lớp, lớp	Khối lớp:                      Lớp:
Sổ tay học sinh Số.	
Họ tên học sinh	
Ngày tháng năm sinh (tuổi)	
Thời gian du lịch	Từ năm                      tháng                      ngày                      đến năm                      tháng                      ngày ( tổng cộng                      ngày)
Địa chỉ hiện nay	Thành phố Yokohama quận
Điện thoại	(045)                      -
Phụ huynh đóng dấu xác nhận	(chữ ký)

Khối lớp:                      Lớp:                      Giáo viên chủ nhiệm: \_\_\_\_\_ TEL : \_\_\_\_\_

## Điều Tra Nguyên Vọng Học Lên Hoặc Đi Làm Lần Thứ Nhất

**Năm thứ ba(lớp 9)      Lớp:      Số thứ tự:      Họ tên**

Chúng tôi sẽ thực hiện việc điều tra định hướng cho tương lai lần thứ nhất. Để chuẩn bị tài liệu cho việc phỏng vấn về nguyện vọng học lên hay đi làm vào thời gian sắp tới, Xin quý vị ghi vào đây và nộp cho giáo viên chủ nhiệm vào trước tháng                      ngày                      (thứ                      ).

1. Về nguyện vọng tương lai (Nguyện vọng thứ Nhất) \_\_\_\_\_

(Nguyện vọng thứ hai) \_\_\_\_\_

2. Xin hãy đánh dấu ⊙ cho nguyện vọng thứ nhất và ○ cho nguyện vọng thứ hai vào các khung dưới đây. Nếu đi làm thì đánh dấu theo phân loại nghề nghiệp. Nếu đi học lên thì đánh dấu vào phần phân loại trường, lớp học.

Đi làm						Học lên											
Ngành ăn uống	Buôn bán	Văn phòng	Cắt uốn tóc, làm đẹp	Chế tạo	Khác	Trường phổ thông						Trường bổ túc		Các loại trường khác	Trường dạy nghề		
						Công lập			Tư thục			Trường cấp 3 dạy nghề	Trường cấp 3 chuyên biệt			Hệ phổ thông	Chuyên ngành
						Hệ phổ thông	chuyên ngành	Hệ tổng hợp	Hệ phổ thôngs	chuyên ngành							

3. Nếu quý vị đánh dấu ⊙ / ○ vào phần đi làm và có quyết định cụ thể xin hãy ghi. (tên công ty, tên và loại ngành nghề ...).

4. Nếu quý vị đánh dấu ⊙ / ○ vào phần học lên và có quyết định cụ thể xin hãy ghi. (tên trường, loại trường, lớp học ...).

5. Về buổi giải thích “định hướng cho tương lai”, quý vị có thắc mắc gì xin hãy ghi ra đây.





## Điều Tra Nguyên Vọng Học Lên Hoặc Đi Làm Lần Thứ ba

Năm thứ ba (lớp 9)      Lớp :      Số thứ tự :      Họ tên

1. Sau khi tốt nghiệp, tôi có nguyện vọng

**Trường cấp 3 công lập**

**Trường chuyên ngành hoặc những loại trường khác**

**Trường cấp 3 tư lập**

**Công ty (đi làm)**

2. Những ai đã chọn “Trường cấp 3 công lập” cho câu số 1, hãy trả lời phần sau đây:

\* Thi tuyển chung (*Kyōtsū senbatsu*)

**Trường có**                      **Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
**nguyện vọng vào:** \_\_\_\_\_

**Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

\* Thi phân chia trường ban đêm và trường đào tạo từ xa (*Teitsū bunkatsu senbatsu*)

**Trường có**                      **Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
**nguyện vọng vào:** \_\_\_\_\_

**Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

\* Có dự định đồng thời cũng dự thi vào trường tư lập hay không?

Có / không (chọn một trong hai)

**Trường**                      **Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
**nguyện vọng 1:** \_\_\_\_\_

**Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

**Trường**                      **Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
**nguyện vọng 2:** \_\_\_\_\_

**Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

3. Những ai đã chọn “Trường cấp 3 tư lập” cho câu số 1, hãy trả lời phần sau đây:

\* Bạn có muốn được tiến cử thẳng vào trường không? (bao gồm xem xét qua giấy tờ)

Có / không (chọn một trong hai)

**Trường nguyện vọng 1:**                      **Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

**Trường nguyện vọng 2:**                      **Trường cấp 3**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

4. Những ai đã chọn “Trường chuyên ngành” cho câu số 1, hãy trả lời phần sau đây:

**Trường nguyện vọng 1:**                      **Trường**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

**Trường nguyện vọng 2:**                      **Trường**                      **(khóa)**  
\_\_\_\_\_

5. Những ai đã chọn “công ty” (đi làm) ở câu số 1, hãy trả lời phần sau đây:

\* Hãy ghi cụ thể nguyện vọng về nơi làm việc hoặc tiền lương, ngành nghề

Dựa trên tham khảo ý kiến của giáo viên chủ nhiệm, gia đình đã quyết định như trên.

**Họ tên phụ huynh** \_\_\_\_\_ **(Chữ ký hoặc con dấu)**

6. Phần dành cho phụ huynh liên lạc

Kính gửi quý vị phụ huynh học sinh khối lớp năm thứ 3 (lớp 9)

**Về việc xác nhận nguyện vọng cuối cùng**

Qua những lần phỏng vấn để định hướng cho tương lai, để xác nhận lại nguyện vọng cuối cùng đã quyết định trước đây, yêu cầu quý vị hãy điền vào khung dưới đây rồi đem nộp cho giáo viên chủ nhiệm.

**Xác nhận nguyện vọng cuối cùng**

	Tên trường cấp 3	Khoa / ngành	Ngày nộp hồ sơ dự thi	Ngày thi	Ngày thông báo kết quả
<b>Kỳ thi tuyển chung</b>			/	/	/
<b>Thi phân chia trường ban đêm và trường đào tạo từ xa (Teitsū bunkatsu senbatsu)</b>			/	/	/
<b>Công lập</b>			/	/	/
<b>Trường ban đêm</b>			/	/	/
<b>Trường đào tạo từ xa</b>			/	/	/
<b>Tiến cử tuyển thẳng</b>			/	/	/
<b>Trường chuyên</b>			/	/	/
<b>Nguyện vọng đồng thời</b>	<b>Chậm thanh toán? (có / không)</b>				
	<b>Phương pháp thanh toán ( ) thanh toán một lần/ thanh toán từng phần một ( yen)</b>				
<b>Trường mở</b>			/	/	/
			/	/	/
			/	/	/
			/	/	/

\* Hãy gạch chéo những phần không cần thiết.

**Năm thứ ba(lớp 9)      Lớp:      Số thứ tự      Họ tên học sinh:** \_\_\_\_\_

**Họ tên phụ huynh** \_\_\_\_\_ (Chữ ký hoặc con dấu)

# Những điều liên quan đến trường học

## [1] 曜日 (thứ trong tuần)

げつようび 月曜日	かようび 火曜日	すいようび 水曜日	もくようび 木曜日	きんようび 金曜日	どようび 土曜日	にちようび 日曜日
Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật

## [2] 月 (tháng)

いちがつ 1月	にがつ 2月	さんがつ 3月	しがつ 4月	ごがつ 5月	ろくがつ 6月
Tháng một	Tháng hai	Tháng ba	Tháng tư	Tháng năm	Tháng sáu

しちがつ 7月	はちがつ 8月	くがつ 9月	じゅうがつ 10月	じゅういちがつ 11月	じゅうにがつ 12月
Tháng bảy	Tháng tám	Tháng chín	Tháng mười	Tháng mười một	Tháng mười hai

## [3] 日 (ngày trong tháng)

ついたち 1日	ふつか 2日	みっか 3日	よっか 4日	いつか 5日	むいか 6日	なのか 7日	ようか 8日	ここのか 9日	とおか 10日
じゅういちにち 11日	じゅうににち 12日	じゅうさんにち 13日	じゅうよっか 14日	じゅうごにち 15日	じゅうろくにち 16日	じゅうしちにち 17日	じゅうはちにち 18日	じゅうくにち 19日	はつか 20日
にじゅういちにち 21日	にじゅうににち 22日	にじゅうさんにち 23日	にじゅうよっか 24日	にじゅうごにち 25日	にじゅうろくにち 26日	にじゅうしちにち 27日	にじゅうはちにち 28日	にじゅうくにち 29日	さんじゅうにち 30日
さんじゅういちにち 31日									

## [4] 時間 (giờ)

～時	Giờ trong ngày (đồng hồ)			～分	Phút trong giờ	
いちじ 1時	にじ 2時	さんじ 3時	よじ 4時	ごじ 5時	ろくじ 6時	しちじ 7時

はちじ 8時	くじ 9時	じゅうじ 10時	じゅういちじ 11時	じゅうにじ 12時	じはん ～時半
じゅつぷん 10分	にじゅつぷん 20分	さんじゅつぷん 30分	よんじゅつぷん 40分	ごじゅつぷん 50分	ろくじゅつぷん 60分

につかひょう

### [5] 日課表 (Thời khóa biểu)

ふつうにつか 普通日課	Thời khóa biểu bình thường	たんしゅくにつか 短縮日課	Thời khóa biểu được rút ngắn	とくべつにつか 特別日課	Thời khóa biểu đặc biệt
よれい 予鈴	Chuông báo chuẩn bị	ほんれい 本鈴	Chuông báo chính thức	あさじしゅう 朝自習	Tự học buổi sáng
やす じかん 休み時間	Giờ nghỉ giải lao	きゅうしょく 給食	Cơm trưa do trường cấp	せいそう 清掃	Dọn vệ sinh
とうこうじこく 登校時刻	Giờ trường học bắt đầu	げこうじこく 下校時刻	Giờ ra về	ほうかご 放課後	Sau khi ra về

ばしょ なまえ

### [6] 場所の名前 (Tên nơi chốn)

こうしゃない 校舎内	Bên trong trường				
げんかん 玄関	Cổng chính	しょうこうぐち 昇降口	Cửa ra vào	ろうか 廊下	Hành lang
かいだん 階段	Cầu thang	と い れ トイレ	Nhà vệ sinh	きょうしつ 教室	Lớp học
こうちょうしつ 校長室	Phòng hiệu trưởng	しょくいんしつ 職員室	Phòng giáo viên	ほけんしつ 保健室	Phòng y tế
きゅうしょくしつ 給食室	Bếp	としょしつ 図書室	Thư viện	りかしつ 理科室	Phòng thí nghiệm
おんがくしつ 音楽室	Phòng học nhạc	ざこうしつ 図工室	Phòng học thủ công	たいいくかん 体育館	Phòng thể thao
しちょうかくしつ 視聴覚室	Phòng xem video	かていかしつ 家庭科室	Phòng nữ công gia chánh	ぎじゅつしつ 技術員室	Phòng của kỹ thuật viên
いんさつしつ 印刷室	Phòng in ấn	きょうざいしつ 教材室	Phòng tài liệu	ほうそうしつ 放送室	Phòng phát thanh
じむしつ 事務室	Văn phòng	ほけんそうだんしつ 保健相談室	Phòng tư vấn sức khỏe	じどう せいと 児童・生徒 かいぎしつ 会議室	Phòng họp nhi đồng-học sinh
こくさいきょうしつ 国際教室	Lớp học quốc tế	かいぎしつ 会議室	Phòng họp		

らんちるーむ ランチルーム	Phòng ăn cơm trưa	びーてーえいしつ P T A 室	Phòng PTA	こういしつ 更衣室	Phòng thay đồ
あしあらば 足洗い場	Nơi rửa chân	おぼ ごみ置き場	Khu vực để rác	てあらば 手洗い場	Nơi rửa tay
かうんせらーしつ カウンセラー室	Phòng tư vấn		ばそこんるーむ パソコンルーム	Phòng máy vi tính	
せいもん 正門	Cổng chính	つうようもん 通用門	Cổng phụ	こうてい 校庭	Sân trường
うんどうじょう 運動場	Sân vận động	なかにわ 中庭	Sân sau	かだん 花壇	Bồn hoa
がっこうのうえん 学校農園	Vườn trồng trọt của trường	ぷーる プール	Hồ bơi	たいいくそうこ 体育倉庫	Kho để dụng cụ thể thao
しいくごや 飼育小屋	Chuồng cho vật nuôi	すなば 砂場	Bãi cát		

きょうかめい  
[7] 教科名など (Tên các bộ môn học)

こくご 国語	Tiếng Nhật	しょしゃ か かつ 書写/書き方	Tập viết / cách viết	としょ どもくしょ 図書/読書	Đọc sách
しゃかい 社会	Xã hội	さんすう すうがく 算数/数学	Toán học / số học	りか 理科	Khoa học tự nhiên
せいかつ 生活	Đời sống sinh hoạt	おんがく 音楽	Âm nhạc	ずこう びじゅつ 図工/美術	Thủ công / mỹ thuật
たいいく 体育	Thể dục	ほけんたいいく 保健体育	Y tế và thể dục	かていか 家庭科	Nữ công gia chánh
ぎじゅつ かつてい 技術/家庭	Kỹ thuật / gia chánh		がいこくご えいご 外国語 (英語)	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
がいこくご かつどう 外国語活動	こくさいりかいきょうしつ 国際理解教室 (YICA)		Hoạt động ngoại ngữ / lớp học lý giải quốc tế YICA)		
どうとく 道徳	Đạo đức	そうごうてき がくしゅう じかん 総合的な学習の時間	Giờ học tổng hợp		
いいんかい 委員会	Ủy ban học sinh		がっきゅうが かつどう 学級活動 (学活)	Sinh hoạt lớp	
くらぶ クラブ	Câu lạc bộ	ぶ かつどう 部活動	Sinh hoạt câu lạc bộ	せいそう 清掃	Dọn vệ sinh
ちゅうしょく 昼食 きゅうしょく べんどう (給食/弁当)	Cơm trưa (cơm do trường cấp / cơm hộp)		やす じかん 休み時間 なかやす ひるやす (中休み/昼休み)	Giờ ra chơi (giờ ra chơi / giờ nghỉ trưa)	
あさ かい あさが かつ 朝の会/朝学活	Họp sáng / Sinh hoạt lớp buổi sáng		かえ かい かえ かつ 帰りの会/帰り学活	Họp trước khi ra về / Sinh hoạt ra về	

がくしゅう つか  
[8] 学習で使うことば (Những từ ngữ dùng khi học)

<Tiếng Nhật>

ひらがな	Chữ hiragana	かたかな カタカナ	Chữ katakana	かんじ 漢字	Chữ Hán	ろーまじ ローマ字	Chữ La Mã
よ 読む	Đọc	か 書く	Viết	はな 話す	Nói	き 聞く	nghe
いつ	Khi nào...?	どこで	ở đâu...?	だれが	ai...?	なにを	Cái gì...?
どうした	Có chuyện gì thế?						
さくぶん 作文	Tập làm văn	にっき 日記	Nhật ký	し 詩	thơ	ものがたり 物語	Câu chuyện
かんさつきろく 観察記録	Ghi chép quan sát	せつめいぶん 説明文	Bài giải thích	とうじょうじんぶつ 登場人物	Những nhân vật trong câu chuyện		
しゅじんこう 主人公	Nhân vật chính	ろうどく 朗読	Ngâm, đọc	もくどく 黙読	Đọc thầm	おんどく 音読	Đọc lớn tiếng
しゅご 主語	Chủ ngữ	じゅつご 述語	Vị ngữ	めいし 名詞	Danh từ	どうし 動詞	Động từ
あくせんと アクセント	Nhấn giọng			はつおん 発音	Phát âm	だんらく 段落	Ngắt câu
ようてん 要点	Điểm chính	しゅだい 主題	Đề tài chính	え さし絵	Hình minh họa	かんようく 慣用句	Thành ngữ
かくげん 格言	Cách ngôn	どくしょ 読書	Đọc sách	じしょ 辞書	Tự điển	しら 調べる	Tìm hiểu
しょしゃ 書写	Sao chép	ないよう 内容	Nội dung	ひつじゅん 筆順	Thứ tự viết	ぶんしょう 文章	Văn bản
れんしゅう 練習	Huấn luyện	はんし 半紙	Giấy mỏng để viết thư pháp	すみ 墨	Mực	ふで 筆	Cây cọ
ぶんちん 文鎮	Vật chặn giấy	すざり 硯	Đá mài mực				

## <Số học và toán>

ゼロ 一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 百 千  
 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 100 1000

• たしざん (toán cộng)  $1 + 2 = 3$

• ひきざん (toán trừ)  $6 - 4 = 2$

• かけ算 (toán nhân)  $2 \times 3 = 6$

• わり算 (toán chia)  $8 \div 4 = 2$

• 偶数 (số chẵn) 0 2 4 6 8 10 12 . . .

• 奇数 (số lẻ) 1 3 5 7 9 11 13 . . .

• 単位 (đơn vị đo lường)

Chiều dài: **mm** / ミリメートル (mi li mét)      **cm** / センチメートル (sen ti mét)

**m** / メートル (mét)      **km** / キロメートル (ki lô mét)

Trọng lượng: **mg** / ミリグラム (mi li gram)      **g** / グラム (gram/lạng)      **kg** / キログラム (ki lo gram/kí lô)

Dung lượng: **mL** / ミリリットル (mi li lít)      **dL** / デシリットル (đê xi lít)      **L** / リットル (lít)

Diện tích: **cm<sup>2</sup>** / 平方センチメートル (sen ti mét vuông)      **m<sup>2</sup>** / 平方メートル (mét vuông)

Thể tích: **cm<sup>3</sup>** / 立方センチメートル (sen ti mét khối)      **m<sup>3</sup>** / 立方メートル (mét khối)



ぶんすう  
• 分数 (phân số)

しんぶんすう  
真分数 (phân số chuẩn tắc)       $\frac{1}{2}$  (2 ぶんの 1)       $\frac{3}{5}$  (5 ぶんの 3)

かぶんすう  
仮分数 (phân số không chuẩn tắc)       $\frac{5}{4}$  (4 ぶんの 5)       $\frac{8}{7}$  (7 ぶんの 8)

たいぶんすう  
帯分数 (hỗn số)       $1\frac{1}{3}$  (1 と 3 ぶんの 1)

しょうすう  
• 小数 (số thập phân)

れいてんいち  
0 . 1

れいてんれいち  
0 . 0 1

にてんさん  
2 . 3

ろくてんにご  
6 . 2 5

ひゃくぶんりつ  
• 百分率 (phần trăm)      5% (5 パーセント)      80% (80 パーセント)

ずけい  
• 図形 (Hình học)

すいちよく  
⊥ 垂直 (vuông góc)

へいこう  
// 平行 (song song)

かく  
∠ 角 (góc)      90° (90độ)

せいさんかっけい  
正三角形

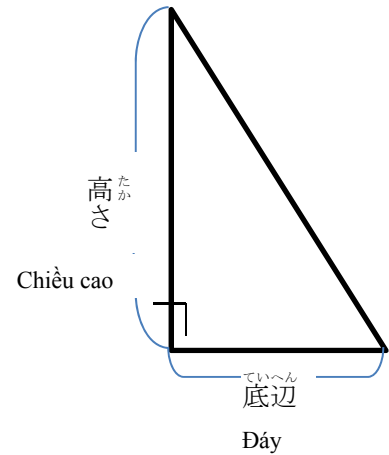
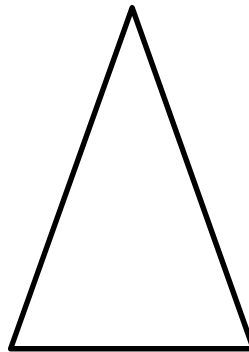
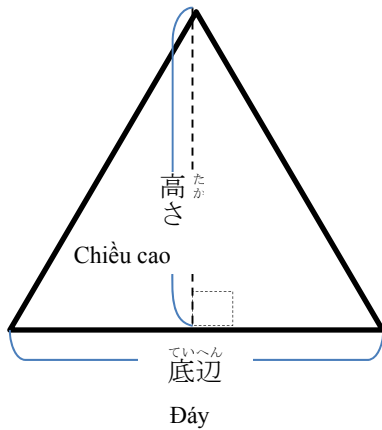
にとうへんさんかっけい  
二等辺三角形

ちよっかくさんかくけい  
直角三角形

(tam giác đều)

(tam giác cân)

(tam giác vuông)



だいけい  
台形

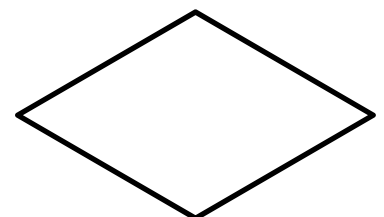
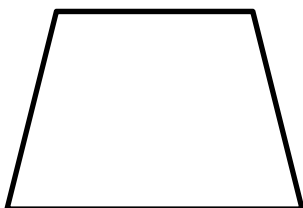
へいこうしへんけい  
平行四辺形

がた  
ひし形

(hình thang)

(hình bình hành)

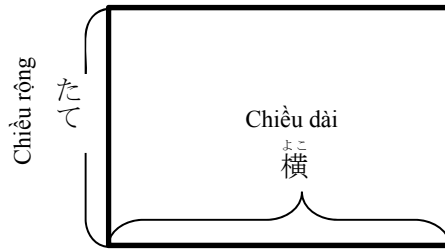
(hình thoi)



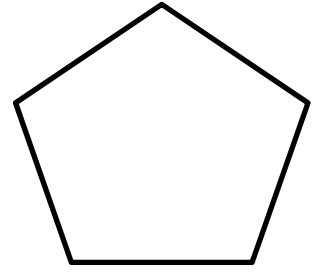
せいほうけい  
正方形 (hình vuông)



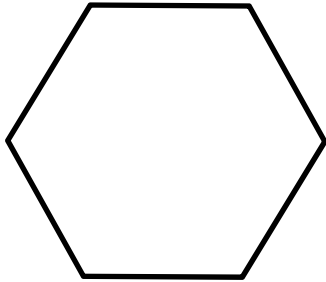
ちょうほうけい  
長方形 (hình chữ nhật)



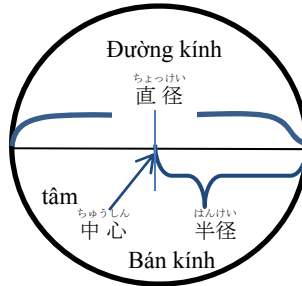
せいごかけい  
正五角形 (hình ngũ giác đều)



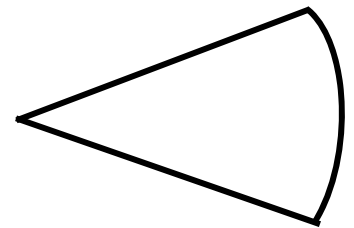
せいろっかけい  
正六角形 (hình lục giác đều)



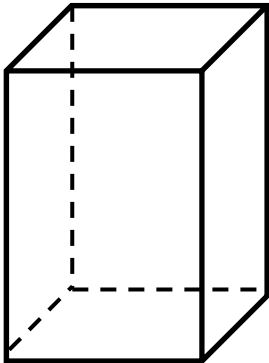
えん  
円 (hình tròn)



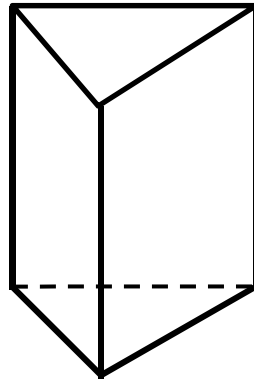
がた  
おうぎ形 (hình quạt)



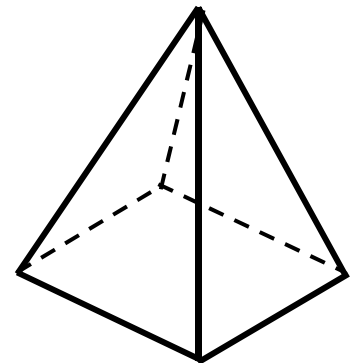
ちよくほうたい  
直方体 (hình lập phương)



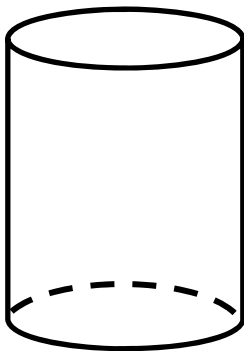
さんかくちゅう  
三角柱 (hình lăng trụ)



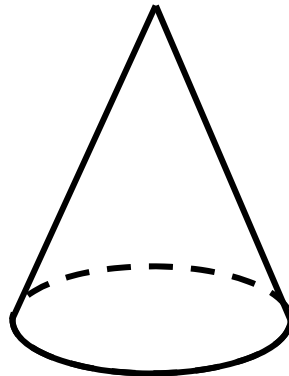
かく  
角すい (hình chóp)



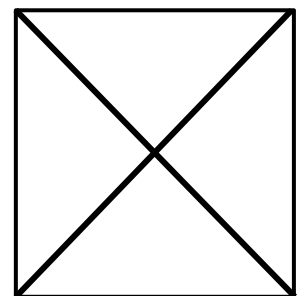
えんちゅう  
円柱 (hình trụ)



えん  
円すい (hình nón)

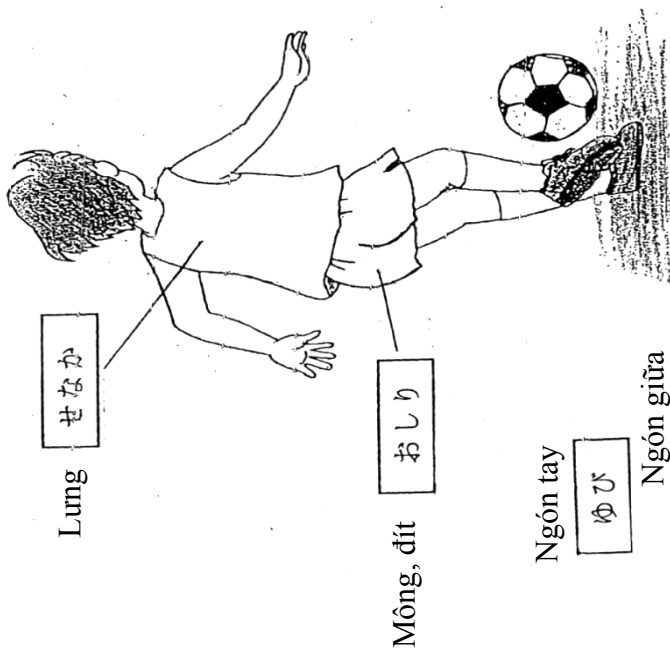


たいかくせん  
対角線 (đường chéo)



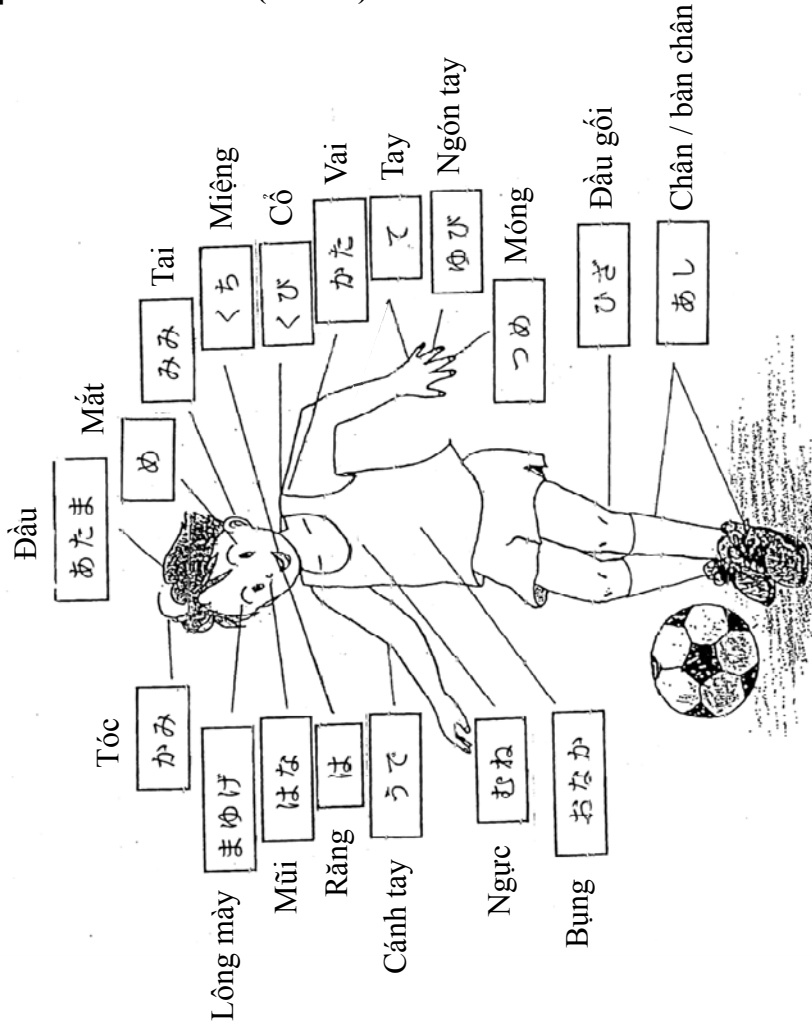
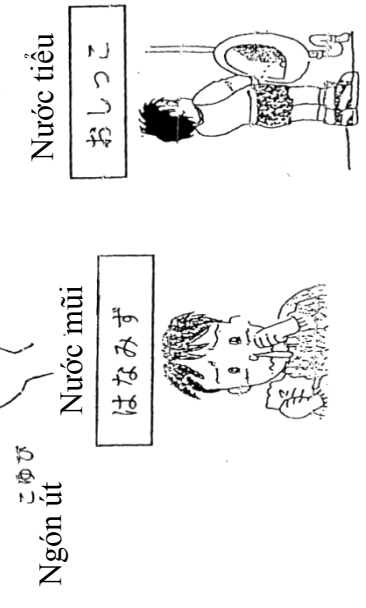


[9] か ら だ (Cơ thể)



ひとさしゆび Ngón trỏ

おやゆび Ngón cái



あたま (頭)	Đầu	め (目)	Mắt
かみ (髪)	Tóc	みみ (耳)	Tai
まゆげ (眉毛)	Lông mày	くち (口)	Miệng
はな (鼻)	Mũi	は (歯)	Răng
くび (首)	Cổ	かた (肩)	Vai
うで (腕)	Cánh tay	て (手)	Tay
ゆび (指)	Ngón tay	つめ (爪)	Móng
むね (胸)	Ngực	おなか	Bụng
ひざ	Đầu gối	あし (足)	Chân / bàn chân
せなか (背中)	Lưng	おしり	Mông, đít
おやゆび (親指)	Ngón cái	ひとさしゆび	Ngón trỏ
なかゆび (中指)	Ngón giữa	くすりゆび	Ngón áp út
こゆび (小指)	Ngón út	はなみず (鼻水)	Nước mũi
おしっこ	Nước tiểu	なみだ (涙)	Nước mắt
うんち	Phân	ち (血)	Máu
げろ	Nôn, mửa	あせ (汗)	Mồ hôi

## 日常会話

## ĐÀM THOẠI HÀNG NGÀY

### A. <sup>きほんてき</sup> 基本的なあいさつ

#### a. あいさつ

1 おはようございます。

2 こんにちは。

3こんばんは。

4 はじめまして。

5 <sup>げんき</sup>元気ですか。 <sup>げんき</sup>元気です。

6 ありがとう。

7 どういたしまして。

8 さようなら。

9 またあした。

10 <sup>しつれい</sup>失礼します。

11 ごめんなさい。

12 おねがいします。

### Lời (sự) chào hỏi cơ bản.

#### Lời (sự) chào hỏi.

Chào (buổi sáng).

Chào (buổi trưa).

Chào (buổi tối).

Hân hạnh được làm quen, hân hạnh được biết.

Có khỏe không? Khỏe.

Cảm ơn.

Không có chi.

Chào tạm biệt.

Ngày mai gặp lại.

Xin lỗi, xin thất lễ.

Xin lỗi, cho tôi được xin lỗi.

Xin làm ơn (giúp giùm).

b. たずねる

Hỏi

- 1 ( ) は日本語で何ごなんと申まをしますか。  
( ) thì tiếng Nhật gọi là gì?
- 2 あなたのなまえ名前は。  
Tên của (em,bạn) là gì?
- 3 あなたのおとうさん (おかあさん) のなまえ名前は。  
Tên của bố (mẹ) em (bạn) là gì?
- 4 もう一度いちどい言いってください。  
Xin hãy lập lại một lần nữa.
- 5 ゆっくりい言いってください。  
Xin hãy nói chậm lại.
- 6 ここにか書かいてください。  
Xin hãy viết vào đây.
- 7 日本語がほんご分わかりますか。  
Em (bạn) có hiểu tiếng Nhật không?
- 8 日本語がほんご書かけますか。  
Em (bạn) có thể viết được tiếng Nhật không?
- 9 日本語がほんご話はなせますか。  
Em (bạn) có thể nói được tiếng Nhật không?
- 10 わかりましたか。  
Em (bạn) có hiểu không?
- 11 わかりました。  
Vâng, em (tôi) hiểu rồi.
- 12 わかりません。  
Không, em (tôi) không hiểu.
- 13 用意よういはいいですか。  
Em (bạn) đã sẵn sàng chưa?
- 14 はい。  
Vâng, dạ.
- 15 いいえ。  
Không, chưa.
- 16 ( ) をも持もっていますか。  
Em (bạn) có ( ) không?
- 17 これはなに何なにですか。  
Đây là (cái) gì?

- 18 あれは何なにですか。 Kia là (cái) gì?
- 19 これは あなたのあなたのですか。 Cái này của em (bạn) phải không?
- 20 今いま、何時なんじですか。 Bây giờ là mấy giờ?
- 21 今日きょうは ( ) 曜日ようびです。 Hôm nay là thứ ( )
- 22 今日きょうは ( ) 日にちです。 Hôm nay là ngày ( )
- 23 ( ) したいですか。 Em (bạn) muốn ( ) không?
- 24 ( ) は好きすですか。 Em (bạn) thích ( ) không?
- 25 ( ) はどれですか。 ( ) là cái nào?
- 26 ( ) はどこですか。 ( ) thì ở đâu?
- 27 ( ) を持もってきてください。 Xin hãy mang ( ) đến.
- 28 ( ) ができますか。 Em (bạn) có thể ( ) không?
- 29 どうしましたか。 Thế nào rồi? Em (bạn) có chuyện không ổn sao?
- 30 疲つかれましたか。 Em (bạn) mệt phải không?
- 31 おなかなかがすきましたか。 Em (bạn) đói bụng không?
- 32 のどのどがかわいてますか。 Em (bạn) khát nước không?
- 33 学校がっこうは楽たのしいですか。 Em thích trường không? Trường có vui không?
- 34 学校がっこうに慣なれましたか。 Em (bạn) đã quen với trường chưa?
- 35 明日あす来きてください。 Xin hãy đến vào ngày mai.
- 36 昨日きのう何なにをしましたか。 Ngày hôm qua em (bạn) đã làm gì?
- 37 今いまいいですか。 Bây giờ (nói chuyện) có được không?



- 38 あとでね。 Gặp lại sau.
- 39 寒い<sup>さむ</sup>ですか。 Em (bạn) lạnh không?
- 40 暑い<sup>あつ</sup>ですか。 Em (bạn) nóng không?
- 41 おとうさんは (おかあさんは) 家<sup>いえ</sup>にいますか。 Bố (mẹ) em (bạn) có ở nhà không?
- 42 友達<sup>ともだち</sup>はできましたか。 Em (bạn) đã có bạn bè chưa?
- 43 あなたの担任<sup>たんにん</sup>は ( ) 先生<sup>せんせい</sup>です。 Giáo viên chủ nhiệm của em (bạn) là ( ).
- 44 家<sup>いえ</sup>で何<sup>なに</sup>をしていますか。 Ở nhà em (bạn) làm gì?
- 45 明日<sup>あす</sup>は休み<sup>やす</sup>です。 Ngày mai nghỉ học.
- 46 ( ) 時<sup>じ</sup>までに登校<sup>とうこう</sup>してください。 Xin hãy đến trường trước ( ) giờ.
- 47 ( ) 時<sup>じ</sup>に下校<sup>げこう</sup>してください。 Xin hãy ra về lúc ( ) giờ.

## B. 学習<sup>がくしゅう</sup>に関する<sup>かん</sup>こと

## Học Tập

- a. 学習<sup>がくしゅう</sup>中<sup>ちゅう</sup>
- Những câu được dùng trong lớp**
- 1 勉強<sup>べんきょう</sup>を始<sup>はじ</sup>めます。 Chúng ta bắt đầu học.
- 2 自分<sup>じぶん</sup>で勉強<sup>べんきょう</sup>をしてください。 Xin hãy tự học.
- 3 ノートを出<sup>だ</sup>してください。 Xin hãy lấy vở ra.
- 4 本<sup>ほん</sup>を出<sup>だ</sup>してください。 Xin hãy lấy sách ra.
- 5 本<sup>ほん</sup>を開<sup>ひら</sup>いてください。 Xin hãy mở sách ra.
- 6 本<sup>ほん</sup>を閉<sup>と</sup>じてください。 Xin hãy đóng sách lại.
- 7 鉛筆<sup>えんぴつ</sup>をしまってください。 Xin hãy cất bút chì vào.

- 8 本<sup>ほん</sup>を読んでください。 Xin hãy đọc sách.
- 9 書<sup>か</sup>いてください。 Xin hãy viết.
- 10 覚<sup>おぼ</sup>えてください。 Xin hãy nhớ.
- 11 黒板<sup>こくばん</sup>に書<sup>か</sup>いてあるものをノートに写<sup>うつ</sup>してください。 Xin hãy chép bài trên bảng vào vở.
- 12 手<sup>て</sup>をあげてください。 Xin hãy đưa tay lên.
- 13 手<sup>て</sup>を下<sup>お</sup>ろしてください。 Xin hãy bỏ tay xuống.
- 14 放課後<sup>ほうかご</sup>来<sup>き</sup>てください。 Sau khi tan học xin hãy đến đây.
- 15 自分<sup>じぶん</sup>の席<sup>せき</sup>にもどりなさい。 Hãy trở về chỗ của mình.
- 16 立<sup>た</sup>ってください。 Xin hãy đứng lên.
- 17 すわってください。 Xin hãy ngồi xuống.
- 18 始<sup>はじ</sup>めてください。 Xin hãy bắt đầu.
- 19 言<sup>い</sup>ってください。 Xin hãy nói.
- 20 答<sup>こた</sup>えは何<sup>なん</sup>ですか。 Câu trả lời của em (bạn) là gì?
- 21 消<sup>け</sup>してください。 Xin hãy xóa, tẩy đi.
- 22 明日<sup>あす</sup>までに持<sup>も</sup>ってきてください。 Xin hãy mang đến trường, hạn chót là ngày mai.
- 23 終<sup>お</sup>わります。 Kết thúc.
- 24 ついてきてください。 Xin hãy theo tôi.
- 25 ちよつと待<sup>ま</sup>ってください。 Xin hãy chờ một chút.

- 26 教室きょうしつに入はいってください。 Xin mời vào lớp.
- 27 終おわりましたか。 Em (bạn) đã xong chưa?
- 28 おもしろいですか。 Có hay, thú vị không?
- 29 むずかしいですか。 Có khó không? Có khó hiểu không?
- 30 ( ) の使つかい方かたがわかりましたか。 Em (bạn) có hiểu cách sử dụng ( ) không?
- b. その他** **Những câu thường dùng khác**
- 1 ( ) へ来きてください。 Xin hãy đến ( ).
- 2 ( ) へ行いってください。 Xin hãy đi đến ( ).
- 3 ( ) 先生せんせいのとこいろへ行いってください。 Xin hãy đến gặp giáo viên ( ).
- 4 ( ) さんきに聞きいてください。 Xin đến hỏi giáo viên ( ).
- 5 明日あすの予よ定ていです。 Dự định của ngày mai.
- 6 ( ) 先生せんせいに渡わたしてください。 Xin trao cho giáo viên ( ).
- 7 家いえのひとに渡わたしてください。 Xin trao cho người nhà của em (bạn).
- 8 昼食ちゅうしょくは、学が校こうで給食きゅうしょくを食たべます。 Bữa ăn trưa sẽ được phục vụ tại trường.
- 9 昼食ちゅうしょくのときに牛乳ぎゅうにゅうがでます。 Có sữa tươi trong buổi ăn trưa.
- 10 弁当べんとうをもって来きてください。 Xin hãy mang cơm hộp đến (trường).
- 11 これは時間割表じかんわりひょうです。 Đây là thời khóa biểu.
- 12 あなたは ( ) 年ねん ( ) 組くみです。 Em (bạn) sẽ vào năm học ( ) lớp ( ).
- 13 出席番号しゅっせきばんごうは、 ( ) 番ばんです。 Số học sinh trong lớp của em là số ( ).

14 6時間目にクラブがあります。

Sẽ có sinh hoạt câu lạc bộ vào giờ học thứ 6.

15 何クラブに入りますか。

Em (bạn) sẽ tham gia câu lạc bộ nào?

16 今日は日本語の勉強があります。

Hôm nay có giờ học tiếng Nhật.

17 日本語の辞書を持っていますか。

Em (bạn) có tự điển tiếng Nhật không?

18 毎日掃除があります。

Chúng ta làm vệ sinh mỗi ngày.

19 これは連絡帳です。

Đây là sổ liên lạc.

毎日持ってきてください。

Xin hãy mang theo đến trường mỗi ngày.

20 体操着に着替えてください。

Xin hãy thay (sang) đồng phục thể thao.

21 ( ) 円で売っています。

Được bán với giá ¥ ( ).

22 値段は ( ) 円です。

Giá ¥ ( ).

23 何か困っていることはありませんか。

Em (bạn) có gặp điều gì không ổn không?

24 心配なことを言ってください。

Hãy nói cho tôi biết điều lo lắng của em (bạn).

25 いやなことを言ってください。

Hãy nói cho tôi biết em không ưng ý điều gì.

### C. 食事に関すること

### Bữa ăn

1 手を洗ってください。

Xin hãy rửa tay.

2 用意してください。

Xin hãy sẵn sàng.

3 取りに来てください。

Xin hãy đến lấy ( ).

4 配ってください。

Xin hãy chuyển cho mọi người xung quanh.

5 食べ始めてください。

Xin hãy bắt đầu ăn.

- |    |  |         |                      |   |
|----|--|---------|----------------------|---|
| 6  | <sup>た</sup> 食べられますか。                          |         |                      | Em (bạn) có thể ăn được không?                |
| 7  | <sup>お</sup> 終わりにしてください。                       |         |                      | Xin hãy kết thúc.                             |
| 8  | <sup>しょっき</sup> 食器をかたづけてください。                  |         |                      | Xin hãy cất dọn chén đĩa.                     |
| 9  | <sup>まいにちあら</sup> ナプキンは毎日洗ってください。              |         |                      | Xin hãy giặt khăn ăn mỗi ngày.                |
| 10 | <sup>のこ</sup> 残してもいいですか。                       |         |                      | Em (tôi) bỏ thừa lại được không?              |
| 11 | <sup>あす</sup> 明日から <sup>きゅうしょく</sup> 給食はありません。 |         |                      | Từ ngày mai trường không phục vụ bữa ăn trưa. |
| 12 | <sup>さら</sup> 皿                                | dĩa     | スプーン                 | thìa, muỗng                                   |
|    | <sup>はし</sup> 箸                                | đũa     | <sup>しょっき</sup> 食器   | chén, đĩa... bộ đồ ăn                         |
|    | おわん  | tô      | <sup>ぎゅうにゅう</sup> 牛乳 | sữa tươi                                      |
|    | <sup>ぱん</sup> パン                               | bánh mì | ごはん                  | cơm   |

#### D. <sup>そうじ</sup>掃除<sup>かん</sup>に関すること

- |   |  |  |  |                                 |
|---|--|--|--|---------------------------------|
| 1 | <sup>そうじ</sup> 掃除 <sup>はじめ</sup> を始めてください。 |  |  | Xin hãy bắt đầu làm vệ sinh.    |
| 2 | ( ) <sup>はこ</sup> を運んでください。                |  |  | Xin hãy mang ( ) (đi).          |
| 3 | ならべてください。                                  |  |  | Xin hãy xếp hàng.               |
| 4 | ふいてください。                                   |  |  | Xin hãy lau chùi.               |
| 5 | はいてください。                                   |  |  | Xin hãy quét ( sàn nhà...).     |
| 6 | ぞうきを <sup>あら</sup> 洗ってください。                |  |  | Xin hãy giặt khăn lau (bàn...). |
| 7 | <sup>みず</sup> 水をくんでください。                   |  |  | Xin hãy lấy nước đến.           |
| 8 | <sup>まど</sup> 窓 <sup>あ</sup> を開けてください。     |  |  | Xin hãy mở cửa sổ ra.           |
| 9 | <sup>まど</sup> 窓 <sup>し</sup> を閉めてください。     |  |  | Xin hãy đóng cửa sổ lại.        |

#### Vệ sinh

- 10 整頓せいとんしてください。 Xin hãy sắp xếp mọi thứ ngay ngắn gọn gàng.
- 11 ぞうきんもを持ってきてください。 Xin hãy mang khăn lau (bàn...) lại đây.
- 12 ごみすを捨ててきてください。 Xin hãy mang rác đi vứt.
- 13 今日きょうは掃除そうじがありません。 Hôm nay không phải làm vệ sinh.
- 
- |                               |                           |                           |
|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 14 ほうき                        | ちりとり                      | はたき                       |
| Cái chổi quét                 | cái hốt rác               | cái chổi nhỏ phủ bụi      |
| 掃除用具入れ <small>そうじようぐい</small> | ごみ                        | ごみ箱 <small>ばこ</small>     |
| nơi cất vật dụng làm vệ sinh  | rác                       | thùng rác                 |
| チョーク                          | チョーク <small>こな</small> の粉 | 黒板消し <small>こくばんけ</small> |
| phấn viết bảng                | bụi phấn                  | khăn lau bảng             |
| つくえ                           | いす                        | ぞうきん                      |
| bàn                           | ghế                       | khăn lau (bàn...)         |
| バケツ                           | モップ                       | みず                        |
| xô đựng (nước...)             | khăn lau nhà có cán dài   | 水                         |
|                               |                           | nước                      |

## E. 健康けんこうに関することかん

## Sức khỏe

1 どこが具合ぐあい悪いわるいですか。

Cảm thấy đau ở đâu ?

頭あたまがいた痛い

おなかいたがいた痛い。

だるい

Em (tôi) đau đầu.

Em (tôi) đau vùng bụng.

Em (tôi) cảm thấy bải hoải.

さむけがする

下痢げりをしている。

喘息ぜんそくの発作ほっさがでた

Em (tôi) thấy ón lạnh.

Em (tôi) bị tiêu chảy.

Em (tôi) lên cơn suyễn.

吐き気はけがする。

吐はいた

のどいたがいた痛い

Em (tôi) thấy buồn nôn.

Em (tôi) đã bị nôn mửa.

Em (tôi) đau cổ họng.

熱ねつがあるようだ

めまいがする

トイレ行きたい

Em (tôi) hình như bị sốt.

Em (tôi) bị chóng mặt.

Em (tôi) muốn đi nhà vệ sinh.

寝不足だ

Em (tôi) thiếu ngủ.

いやなことがあった

Em (tôi) có điều không ưng ý.

気持ちが悪い

Em (tôi) thấy khó chịu.

湿疹がでている。

Em (tôi) bị lở loét da.

疲れている

Em (tôi) mệt.

心配なことがある

Em (tôi) có điều lo lắng.

むし歯が痛い

Em (tôi) đau răng.

貧血気味です。

Em (tôi) hình như bị thiếu máu.

苦しい

Em (tôi) cảm thấy khó chịu.

今、生理中です

Em (tôi) đang có kinh nguyệt.

風邪を引いている

Em (tôi) bị cảm.

鼻血がでている

Em (tôi) đang chảy máu mũi.

2 いつからですか。

Em (bạn) bị (đau) từ bao giờ?

きのうから

Em (tôi) bị từ hôm qua

今朝から

Em (tôi) bị từ sáng nay

( ) 校時から

Em (tôi) bị từ giờ học ( ) .

( ) 日前から

Em (tôi) bị đau từ ngày ( ) .

3 病院に行きましたか。

Em (bạn) đã đi bệnh viện chưa?

4 熱がありますか。

Em (bạn) có sốt, nóng không?

5 あなたの平熱は。

Nhiệt độ trung bình cơ thể em (bạn) là bao nhiêu?

6 どうしてけがをしたのですか。

Làm sao mà em (bạn) bị thương vậy?

ぶつけた

Em (tôi) bị đụng.

ころんだ

Em (tôi) bị ngã.

ボールがあたった

Em (tôi) bị trúng phải quả bóng.

ひねった

Em (tôi) bị trật ( ) .

切った

Em (tôi) bị đứt ( ) .

ささった

Em (tôi) đâm phải ( ) .

けられた

Em (tôi) bị đá.

なぐられた

Em (tôi) bị đấm.

おされた

Em (tôi) bị xô đẩy té.

つき指した

ねんざした

Em (tôi) bị bong gân, trặc ngón tay.

Em (tôi) bị bong gân, trặc khớp xương.

7 どこで

Ở đâu?

教室 きょうしつ

廊下 ろうか

校庭 こうてい

Lớp học

Hành lang

Sân trường

中庭 なかにわ

階段 かいだん

体育館 たいいくかん

Vườn hoa trong trường

Cầu thang

Nhà thể dục

8 ごはんを<sup>た</sup>食べましたか。

Em (bạn) đã ăn cơm chưa?

<sup>た</sup>食べました。

Vâng, em (tôi) đã ăn rồi.

<sup>じかん</sup>時間がなくて<sup>た</sup>食べませんでした。

Chưa, em (tôi) chưa có thời gian để ăn.

<sup>しょくよく</sup>食欲がなくて、<sup>た</sup>食べませんでした。

Chưa, em chưa muốn ăn.

9 家に<sup>だれ</sup>誰かいますか。

Có ai ở nhà em (bạn) không?

10 ひとりで<sup>かえ</sup>帰れますか。

Em (bạn) có thể về nhà một mình được không?

11 <sup>むか</sup>迎えに来てもらいますか。

Có ai đến đón em (bạn) không?

12 <sup>いしゃ</sup>医者にみてもらっていますか。

Em (bạn) đã được bác sĩ khám cho chưa?

13 <sup>の</sup>くすりを飲んでいますか。

Em (bạn) đã uống thuốc gì chưa?

14 <sup>かえ</sup>帰ってから、<sup>びょういん</sup>病院に<sup>い</sup>行きなさい。 Xin hãy đi bệnh viện, sau khi trở về nhà.

15 <sup>ねつ</sup>熱をはかります。

Nào, tôi sẽ đo nhiệt độ cơ thể của em (bạn).

16 ベッドで<sup>ね</sup>寝ていなさい。

Xin hãy nằm lên giường.

17 うがいをしなさい。

Xin hãy súc miệng.

18 そでをまくりなさい。

Xin hãy vén tay áo lên.

19 教室にもどっていいです。

Xin hãy trở về lớp.



- 20 今朝けさうんちがでましたか。 Sáng nay, có đi cầu được không?
- 21 トイレいに行ってください。 Xin hãy đi nhà vệ sinh.
- 22 くすりをつけます。 Tôi sẽ bôi thuốc.
- 23 さわらないでください。 Đừng sờ vào.
- 24 お風呂はいに入ってください。 Không được tắm, hay vào bồn tắm.
- 25 運動うんどうしてはいけません。 Không được vận động mạnh.
- 26 静しずかにしていきましょう。 Nên nghỉ ngơi.
- 27 これをいしや医者にわたしてください。 Xin hãy trao cái này cho bác sĩ.
- 28 身長しんちょう Chiều cao 体重たいじゅう Trọng lượng cơ thể, cân nặng  
視力しりょく Thị lực 聴力ちょうりょく Thính lực

## F. 集会しゅうかいに関すること

## Tập hợp

- 1 ( ) に ( ) 時じにあつ集まってください。 Xin hãy tập hợp tại ( ) vào lúc ( ) giờ.
- 2 早はやくしてください。 Xin hãy nhanh lên.
- 3 きちんとならんでください。 Xin hãy xếp hàng ngay ngắn.
- 4 はなしをやめましょう。 Giữ trật tự ! Im lặng!
- 5 その場ばにしゃがみましょう。 Xin hãy ngồi xổm xuống.
- 6 その場ばに腰こしをおろしましょう。 Xin hãy ngồi xuống.
- 7 立たってください。 Xin hãy đứng lên.
- 8 朝会ちょうかいがあります。 Sẽ có buổi họp sáng.

- 9 集会しゅうかいがあります。 Sẽ có tập hợp.
- 10 二列にれつにならんでください。 Xin hãy xếp thành 2 hàng.
- 11 左ひだり (右みぎ) によりましょう。 Di chuyển sang trái (phải).
- 12 体育館たいいくかんに集合しゅうごうしてください。 Xin hãy tập hợp ở nhà thể dục.

## G. 非常時ひじょうじに関するかんこと

## Khi có tình trạng khẩn cấp

- 1 避難訓練ひなんくんれんがあります。 Có buổi luyện tập tị nạn.
- 2 机つくえの下したにもぐりなさい。 Xin hãy núp xuống dưới bàn.
- 3 防災ずきんぼうさいをかぶりなさい。 Xin hãy đội nón bảo hộ ngừa tai nạn.
- 4 口くちと鼻はなをハンカチおで押おさえなさい。 Xin hãy dùng khăn tay che miệng và mũi lại.
- 5 おさないかけないしゃべらない。

Không được xô đẩy, không được chạy, không được nói chuyện.

- 6 前まえから出でなさい。 Hãy thoát ra bằng cửa trước.
- 7 後うしろから出でなさい。 Hãy thoát ra bằng lối sau.
- 8 地震じしんです。 Động đất.
- 9 火事かじです。 Hỏa hoạn, cháy nhà.
- 10 家いえの人ひとが迎むかえにくるまで、ここにいなさい。

Xin hãy chờ ở đây cho đến khi có người nhà đến đón em (bạn) về.

## H. 連絡事項れんらくじこうに関するかんこと

## Liên lạc

- 1 これをおとうさん (おかあさん) に渡わたしてください。

Xin hãy trao cái này cho bố (mẹ) của em (bạn).

2 これをおとうさん（おかあさん）に見せてください。

Xin hãy cho bố (mẹ) của em (bạn) xem cái này.

3 お話ししたいことがあります。 Tôi muốn nói chuyện với em (bạn) được không ?

4 学校からあなたのおうちに電話します。

Nhà trường sẽ gọi điện thoại đến gia đình.

5 学校に電話をください。

Xin hãy gọi điện thoại đến trường.

6 明日学校に来てください。

Ngày mai, xin hãy đến trường.

7 明日学校に来ることができますか。 Có thể đến trường ngày mai được không?

8 これから、私がお宅にうかがいます。 Tôi xin phép được để thăm gia đình.

9 ここに印鑑を押してください。 Xin hãy đóng dấu vào đây.

10 ここに印鑑を押して、署名して持ってきてください。

Xin hãy đóng dấu, ký tên rồi mang đến trường.



平成 25 年 2 月 28 日 初版発行

平成 28 年 4 月 改訂版発行

発行 横浜市教育委員会事務局 指導部 国際教育課

横浜市中区港町 1 - 1

電話 045 (671) - 3588

- ◆ 『ようこそ横浜の学校へ』は、次のホームページからダウンロード可能です。

<http://www.city.yokohama.lg.jp/kyoiku/sidou1/nihongoshido-tebiki/>